

Số:806 /BGDDĐT-HSSV
V/v xin ý kiến dự thảo Chương trình
Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Kính gửi: Các Đơn vị có tên tại Danh sách kèm theo.....

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 72/NQ-TW của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “*Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035*”(sau đây gọi tắt là Chương trình). Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Chương trình, đảm bảo chất lượng, tiến độ, phân công đúng chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục, Bộ GDĐT trân trọng đề nghị quý Cơ quan nghiên cứu, góp ý các văn bản gửi kèm theo, bao gồm:

- Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình.
- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình.
- Dự thảo Chương trình.

Văn bản góp ý của quý Cơ quan gửi về Bộ GDĐT (qua Vụ Học sinh, sinh viên), số 35 Đại Cồ Việt, phường Bạch Mai, TP. Hà Nội và qua hòm thư điện tử lvtuan@moet.gov.vn trước ngày 06/03/2026.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan./.

Thông tin xin liên hệ: TS. Lê Văn Tuấn - Chuyên viên cao cấp Vụ Học sinh, sinh viên, Bộ GDĐT; Di động: 0915218464; E-mail: lvtuan@moet.gov.vn). 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, Vụ HSSV (LVT).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Lê Quân

**DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
GỬI CÔNG VĂN LẤY Ý KIẾN
Dự thảo Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035**

(Kèm theo Công văn số **806** /BGDDĐT-HSSV ngày **04** tháng 02 năm 2026)

I. Các Bộ:

1. Bộ Y tế
2. Bộ Quốc phòng
3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường
4. Bộ Tài chính
5. Bộ Nội vụ
6. Bộ Tư pháp.

II. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

III. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

IV. Các Sở Giáo dục và Đào tạo

V. Các Đại học, Học viện, Trường Đại học, Trường Cao đẳng, Trường Trung cấp



Số: /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2026

Dự thảo ngày 10.02.2026

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Đồng kính gửi: Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân và Thông báo Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long tại cuộc họp về Đề án phát triển y tế trường học (Số 708/TB-VPCP ngày 19/12/2025); Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế và các bộ, ngành có liên quan xây dựng và hoàn thiện dự thảo Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Bộ GDĐT kính trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Chương trình với những nội dung chủ yếu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Căn cứ các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, các Luật, Nghị định của Chính phủ;

- Tại Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, trong đó Bộ GDĐT được giao xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường cho giai đoạn mới thay thế Quyết định 1660/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho trẻ em, học sinh, sinh viên (sau đây gọi chung là người học) đóng vai trò rất quan trọng trong sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần của thế hệ trẻ, thế hệ tương lai của đất nước. Sức khỏe của người học hôm nay chính là sức khỏe của dân tộc ta mai sau. Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người học luôn được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm. Nhiều chủ trương, đường lối, chính sách về y tế trường học,

chăm sóc sức khỏe người học được ban hành, trong đó có Chương trình Sức khỏe học đường, Chương trình Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021-2025¹ (Bộ GDĐT đã tổ chức tổng kết trong năm 2025) đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tích cực trong việc bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người học. Tuy nhiên, kết quả tổng kết cũng cho thấy công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe người học vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, khó khăn, thách thức, nhiều chỉ tiêu cơ bản chưa đạt so với mục tiêu đề ra, dẫn đến công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của người học trong các cơ sở giáo dục vẫn chưa thực sự được bảo đảm. Bên cạnh đó, tình hình bệnh tật học đường và một số bệnh liên quan đến lứa tuổi người học vẫn diễn biến phức tạp và có xu hướng gia tăng, nguy cơ gây bệnh cao và ảnh hưởng lớn đến sức khỏe và năng lực học tập của người học. Mặc dù các em có nguy cơ mắc bệnh cao, nhưng các dịch bệnh, bệnh, tật nêu trên có thể được phòng chống hiệu quả thông qua việc phát hiện sớm bệnh tật, kiểm soát tốt các yếu tố nguy cơ.

Trong bối cảnh đất nước ta đang đứng trước vận hội lịch sử để phát triển bứt phá, yêu cầu xây dựng thế hệ con người Việt Nam mới có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn phát triển mới. Theo tinh thần của Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân cần được thay đổi mạnh mẽ trong nhận thức và hành động; đồng thời, đổi mới toàn diện với các giải pháp đột phá để hướng đến mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam khỏe mạnh, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển đất nước giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng trong kỷ nguyên mới.

Như vậy, việc đẩy mạnh toàn diện các hoạt động giáo dục, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người học trong các cơ sở giáo dục là một yêu cầu khách quan và là nhiệm vụ cấp bách. Chương trình Sức khỏe học đường cần tiếp tục được triển khai trong giai đoạn 2026-2035 và các năm tiếp theo để khắc phục những tồn tại, hạn chế và huy động mạnh mẽ hơn nữa các nguồn lực cùng chung tay bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người học một cách toàn diện, đạt hiệu quả cao.

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Sau khi Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ được ban hành, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, tổ chức liên quan đã khẩn trương thực hiện một số công việc sau:

- Ban hành Kế hoạch xây dựng Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035 (Kế hoạch số 2389/KH-BGDĐT ngày 25/12/2025).
- Thành lập Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập xây dựng Chương trình, bao gồm đại diện Bộ Y tế, và các Vụ, Cục thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo do Thứ trưởng Bộ

¹ Đề án “Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, HSSV để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018-2025” (kèm theo Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 9/1/2019); Chương trình “Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025” (kèm theo Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021); Chương trình Y tế trường học trong các CSGD mầm non, phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021-2025 (kèm theo Quyết định số 85/QĐ-TTg ngày 17/01/2022).

Giáo dục và Đào tạo làm Trưởng ban (Quyết định số 18/QĐ-BGDĐT ngày 08/01/2026).

- Bộ GDĐT đã đồng thời rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, thu thập các số liệu có liên quan, xây dựng dự thảo hồ sơ của Chương trình (dự thảo Chương trình, dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình) theo đúng các quy định hiện hành về soạn thảo, ban hành văn bản.

- Đã tổ chức 02 cuộc họp Ban soạn thảo, 01 hội thảo trực tiếp với các bộ, ngành, địa phương, tổ chức quốc tế, trường đại học, cao đẳng góp ý hoàn thiện các dự thảo Chương trình.

- Bộ GDĐT đã gửi Công văn số/BGDĐT-HSSV ngày đề xin ý kiến của các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. Đến ngày / /2026, Bộ GDĐT đã nhận được ý kiến góp ý củaBộ, ngành vàý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

Trên cơ sở ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan và tổ chức liên quan, Bộ GDĐT đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện dự thảo Chương trình, dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ký ban hành.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Chương trình

Chương trình được xây dựng dựa trên các quan điểm chỉ đạo sau:

1. Bám sát quan điểm, đường lối, chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe cho người học.

2. Bảo đảm mọi người học đều được hưởng quyền bình đẳng trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

2. Mục tiêu và các chỉ tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác y tế trường học và tăng cường hoạt động tuyên truyền, giáo dục, bảo vệ, chăm sóc, quản lý sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nhằm bảo đảm điều kiện để người học phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần; góp phần thực hiện các mục tiêu, giải pháp về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Giai đoạn 2026-2030

a) Nâng cao hiệu quả công tác y tế trường học

- 100% cơ sở giáo dục bố trí nhân viên làm công tác y tế trường học (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm), trong đó:

+ Tối thiểu 60% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung học nghề có nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên.

+ 100% trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú tại các xã biên giới đất liền có nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên.

+ 100% cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp có nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên.

- 100% nhân viên làm công tác y tế trường học được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về y tế trường học, kỹ năng cơ cứu ban đầu theo quy định.

- 95% cơ sở giáo dục có phòng y tế, đủ thiết bị y tế và thuốc thiết yếu theo quy định để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người học.

b) Tăng cường tuyên truyền, giáo dục dinh dưỡng học đường; đảm bảo an toàn thực phẩm, dinh dưỡng hợp lý phù hợp với lứa tuổi đối với bữa ăn học đường

- 100% cơ sở giáo dục tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm lành mạnh, an toàn, phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu bia cho người học trong chương trình giáo dục, đào tạo và các hoạt động ngoài chương trình.

- 100% cơ sở giáo dục có tổ chức bữa ăn và dịch vụ ăn, uống khác trong trường học bảo đảm các điều kiện về vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục mầm non và tối thiểu 80% cơ sở giáo dục phổ thông (có tổ chức bữa ăn học đường) xây dựng thực đơn đáp ứng đủ các nội dung theo Chương trình giáo dục mầm non và hướng dẫn của Bộ Y tế về dinh dưỡng đối với bữa ăn học đường.

- 100% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, học sinh theo quy định.

c) Đảm bảo các điều kiện vệ sinh, an toàn trường học

- 90% cơ sở giáo dục có đủ nước uống và nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng theo quy định.

- 80% cơ sở giáo dục có đủ nhà vệ sinh cho người học, bảo đảm điều kiện hợp vệ sinh và đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật.

- 90% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt tiêu chuẩn trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích theo quy định.

d) Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe, phòng chống bệnh, tật học đường

- 100% người học được tuyên truyền, giáo dục sức khỏe và nâng cao kiến thức về phòng chống dịch, bệnh, tật học đường, bệnh không lây nhiễm và sức khỏe tâm thần.

- 100% người học được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần.

- 100% cơ sở giáo dục (không bao gồm cơ sở giáo dục mầm non) thành lập Tổ/bộ phận Tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học, bố trí nhân sự đầu mối (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm) và phòng/địa điểm thực hiện công tác tư vấn học đường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- 60% cơ sở giáo dục thực hiện việc đánh giá, tư vấn để phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ rối loạn tâm thần, bệnh không lây nhiễm cho người học.

*đ) **Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe người học***

- 100% người học được cập nhật và quản lý thông tin về sức khỏe vào Sổ sức khỏe điện tử toàn dân kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư.

- 90% cơ sở giáo dục triển khai hiệu quả phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe người học.

- 80% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng và phần mềm xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng khi tổ chức bữa ăn học đường.

- 90% cán bộ quản lý, nhân viên y tế trường học được tập huấn sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe người học.

2.2.2. Giai đoạn 2031- 2035

a) Tiếp tục duy trì, đẩy mạnh triển khai hiệu quả công tác y tế trường học, các hoạt động giáo dục, chăm sóc, bảo vệ và quản lý sức khỏe người học trong các cơ sở giáo dục nhằm bảo đảm chăm sóc toàn diện về thể chất, tinh thần cho người học.

b) Giữ vững các kết quả đạt được ở giai đoạn 2026-2030 và thúc đẩy các hoạt động nhằm nâng cao các chỉ tiêu chưa đạt 100% nêu tại mục IV. 2.1, cụ thể:

- Tối thiểu 80% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung học nghề có nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên.

- 100% cơ sở giáo dục có đủ nước uống và nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng theo quy định.

- Tối thiểu 95% cơ sở giáo dục có đủ nhà vệ sinh cho người học, bảo đảm điều kiện hợp vệ sinh và đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật.

- 100% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt tiêu chuẩn trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục mầm non và tối thiểu 90% cơ sở giáo dục phổ thông (có tổ chức bữa ăn học đường) xây dựng thực đơn đáp ứng đủ các nội dung theo Chương trình giáo dục mầm non và hướng dẫn của Bộ Y tế về dinh dưỡng đối với bữa ăn học đường.

- Tối thiểu 80% cơ sở giáo dục thực hiện việc đánh giá, tư vấn để phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ rối loạn tâm thần, bệnh không lây nhiễm cho người học.

- 100% cơ sở giáo dục triển khai hiệu quả phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe người học.

- Tối thiểu 90% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng và phần mềm xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng khi tổ chức bữa ăn học đường.

- 100% cán bộ quản lý, nhân viên y tế trường học được tập huấn sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe người học.

3. Về phạm vi đối tượng và thời gian thực hiện

3.1. Phạm vi đối tượng thực hiện

Chương trình được thực hiện trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trường chuyên biệt, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3.2. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2035, chia làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2031 đến hết năm 2035.

4. Về các nhiệm vụ và giải pháp

Chương trình đề ra 06 nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, bao gồm:

4.1. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về sức khỏe học đường, bao gồm: (i) Sửa đổi, bổ sung các văn bản Luật liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, thể lực, tầm vóc cho người học; (ii) Xây dựng Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Phòng bệnh nội dung phòng bệnh trong cơ sở giáo dục; chính sách ưu đãi nghề đối với nhân viên y tế trường học. Quy định về khám sức khỏe định kỳ cho người học. Sửa đổi quy định danh mục thuốc thiết yếu cho phòng y tế trường học và các quy định, hướng dẫn kinh phí chi cho công tác y tế trường học; (iii) Sửa đổi quy định về vị trí việc làm, định mức số người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông (vị trí việc làm nhân viên y tế trường học); tiêu chuẩn bàn ghế học sinh phổ thông. Ban hành quy định về giáo dục dinh dưỡng học

đường và tổ chức bữa ăn bán trú trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông. Xây dựng các chương trình, đề án về đổi mới và phát triển giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trường học.

4.2. Kiện toàn và đẩy mạnh đào tạo nhân lực cho hệ thống y tế trường học, bao gồm: (i) Thực hiện tuyển dụng, bố trí, sắp xếp nhân viên làm công tác y tế trường học theo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức và định mức số người làm việc đối với các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường chuyên biệt, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung học nghề công lập. Ưu tiên tuyển dụng, sắp xếp nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ đạt chuẩn cho các trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở, trường chuyên biệt tại các xã biên giới đất liền. Trường hợp chưa bố trí được nhân viên y tế trường học chuyên trách thì thực hiện phân công viên chức kiêm nhiệm làm đầu mối theo dõi công tác y tế trường học và ký hợp đồng cung ứng dịch vụ với cơ sở y tế, cơ sở khám chữa bệnh để triển khai công tác y tế trường học; (ii) Các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, các cơ sở giáo dục ngoài công lập chủ động tuyển dụng nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ đạt chuẩn hoặc ký hợp đồng cung ứng dịch vụ với cơ sở y tế, cơ sở khám chữa bệnh để triển khai công tác y tế trường học theo quy định; (iii) Phân công và quy định rõ trách nhiệm cho cán bộ, viên chức thuộc trạm y tế cấp xã, trạm y tế quân dân y theo dõi, hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật thực hiện công tác y tế trường học đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn, nhất là các cơ sở giáo dục không có nhân viên y tế chuyên trách, các trường, điểm trường có vị trí ở xa trạm y tế cấp xã, cơ sở khám chữa bệnh (những nơi y tế cơ sở không thể can thiệp, chăm sóc y tế kịp thời cho trẻ em, học sinh); (iv) Xây dựng, hoàn chỉnh tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, nhân viên làm công tác y tế trường học, công tác tư vấn học đường, công tác xã hội trường học trong các cơ sở giáo dục, y tế cơ sở, y tế quân dân y phù hợp với từng đối tượng (chuyên trách và kiêm nhiệm); (v) Thí điểm và mở rộng đào tạo nhân lực chuyên ngành y tế trường học, dinh dưỡng học đường tại các cơ sở đào tạo khối ngành y tế, sức khỏe.

4.3. Bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các hoạt động sức khỏe học đường, bao gồm: i) Rà soát, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo vệ sinh trường học: bàn ghế phù hợp với nhóm chiều cao của người học, người khuyết tật; ánh sáng phòng học, các công trình cung cấp nước sạch, nhà vệ sinh trong trường học bảo đảm đủ số lượng, yêu cầu vệ sinh, nhu cầu vệ sinh của nữ giới, người khuyết tật; (ii) Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm chất lượng và các quy định về an toàn thực phẩm; sân chơi, bãi tập để phục vụ các hoạt động giáo dục thể chất và thể thao trường học; (iii) Bố trí phòng y tế trường học, phòng tư vấn học đường riêng biệt, thân thiện theo quy định; bổ sung trang bị thiết bị y tế và thuốc thiết yếu để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người học trong trường học phù hợp thực tế và trình độ chuyên môn của nhân viên y tế trường học.

4.4. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe đối với học sinh, sinh viên, bao gồm: i) Xây dựng, hoàn thiện tài liệu và tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe trong trường học phù hợp các nhóm đối tượng: Đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông: Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục về vệ sinh phòng chống dịch bệnh; phòng chống bệnh, tật học đường (bệnh răng miệng, tật khúc xạ, gù vẹo cột sống...); phòng chống tai nạn thương tích; đảm bảo dinh dưỡng hợp lý kết hợp vận động thể lực, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tâm thần, phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu bia, phòng ngừa bệnh không lây nhiễm. Đối với học sinh, sinh viên trung cấp, cao đẳng, đại học: Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục về sức khỏe sinh sản; sức khỏe tâm thần; phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu bia; kiến thức, kỹ năng đảm bảo dinh dưỡng hợp lý, hoạt động vận động thể lực để phòng bệnh; ii) Rà soát và thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nội dung giáo dục sức khỏe tích hợp, lồng ghép trong chương trình giáo dục ở các cấp học, trình độ đào tạo, trong đó tăng cường các nội dung giáo dục về dinh dưỡng, vận động thể lực, sức khỏe tâm thần, phòng chống dịch bệnh, tật học đường; iii) Tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp và Nhân dân về tầm quan trọng và hoạt động sức khỏe học đường theo chuyên trang, chuyên mục trên Cổng thông tin điện tử, cơ quan báo chí của ngành Giáo dục, ngành Y tế, các cơ sở giáo dục và các phương tiện thông tin đại chúng. Tăng cường công tác tuyên truyền đến cha mẹ, gia đình người học để cùng phối hợp, đồng hành trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người học; iv) Xây dựng và triển khai thực hiện các mô hình trường học an toàn, nâng cao sức khỏe phù hợp với các cấp học, trình độ đào tạo.

4.5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe người học, bao gồm: i) Tổ chức hiệu quả kiểm tra sức khỏe, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của người học vào đầu năm học và định kỳ theo quy định; thực hiện khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc một số bệnh, tật thường gặp (cận thị, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng, còi xương, thừa cân béo phì...) miễn phí cho người học ít nhất mỗi năm một lần; ii) Thực hiện kết nối dữ liệu khám sức khỏe định kỳ của người học tích hợp vào Sổ sức khỏe điện tử, đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống, đồng bộ và được làm đầy đủ liệu sức khỏe của mỗi cá nhân theo vòng đời, liên thông với hệ thống dữ liệu Quốc gia về dân cư; iii) Cập nhật thường xuyên, đầy đủ các chỉ số sức khỏe cơ bản của người học trên hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành Giáo dục; iv) Xây dựng và ứng dụng các phần mềm phục vụ giáo dục và quản lý công tác y tế trường học, phần mềm thực đơn cân bằng dinh dưỡng phù hợp với các nhóm tuổi và tình trạng thể chất của người học; v) Xây dựng và số hóa các sản phẩm truyền thông, giáo dục sức khỏe người học, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ chăm sóc sức khỏe học sinh, sân chơi, bãi tập, công trình nước sạch, nhà vệ sinh.

4.6. Tăng cường phối hợp liên ngành và huy động các nguồn lực xã hội, bao gồm: i) Xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế phối hợp giữa ngành giáo dục và ngành y tế địa phương, cơ sở quân y, quân dân y trên địa bàn (đối với các xã khu

vực biên giới đất liền, hải đảo, đặc khu) trong triển khai công tác y tế trường học và rà soát tiền sử tiêm chủng và tổ chức tiêm bù, tiêm vét cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học; ii) Thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình với các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả; iii) Tăng cường huy động sự tham gia phối hợp triển khai và hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng ở trong và ngoài nước trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình.

5. Tổ chức thực hiện Chương trình

Chương trình quy định trách nhiệm thực hiện cho các Bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố; Các tổ chức kinh tế, các tổ chức Hội, tổ chức phi Chính phủ hoạt động trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe người học.

Trên đây là nội dung Tờ trình về việc phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035, Bộ Giáo dục và Đào tạo kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Văn bản kèm theo Tờ trình:

1. Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình.
2. Dự thảo Chương trình.
3. Báo cáo tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, đơn vị liên quan.
4. Văn bản góp ý của các Bộ, ngành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Các Thứ trưởng;
- Các Bộ: Y tế, Nông nghiệp & môi trường, Nội vụ, Tài chính, Quốc phòng (để p/h);
- TWMTTQVN (để p/h);
- UBND các tỉnh, TP (để p/h);
- Lưu: VT, Vụ HSSV.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Kim Sơn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo ngày 10.02.2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18/02/2025; Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15 ngày 10/12/2025

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035 (sau đây gọi là Chương trình) với những nội dung sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác y tế trường học và tăng cường hoạt động tuyên truyền, giáo dục, bảo vệ, chăm sóc, quản lý sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nhằm bảo đảm điều kiện để người học phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần; góp phần thực hiện các mục tiêu, giải pháp về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2026-2030

a) *Nâng cao hiệu quả công tác y tế trường học*

- 100% cơ sở giáo dục bố trí nhân viên làm công tác y tế trường học (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm), trong đó:

+ Tối thiểu 60% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung học nghề có nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên.

+ 100% trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú tại các xã biên giới đất liền có nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên.

+ 100% cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp có nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên.

- 100% nhân viên làm công tác y tế trường học được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về y tế trường học, kỹ năng cơ cứu ban đầu theo quy định.

- 95% cơ sở giáo dục có phòng y tế, đủ thiết bị y tế và thuốc thiết yếu theo quy định để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người học.

b) Tăng cường tuyên truyền, giáo dục dinh dưỡng học đường; đảm bảo an toàn thực phẩm, dinh dưỡng hợp lý phù hợp với lứa tuổi đối với bữa ăn học đường

- 100% cơ sở giáo dục tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm lành mạnh, an toàn, phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu bia cho người học trong chương trình giáo dục, đào tạo và các hoạt động ngoài chương trình.

- 100% cơ sở giáo dục có tổ chức bữa ăn và dịch vụ ăn, uống khác trong trường học bảo đảm các điều kiện về vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục mầm non và tối thiểu 80% cơ sở giáo dục phổ thông (có tổ chức bữa ăn học đường) xây dựng thực đơn đáp ứng đủ các nội dung theo Chương trình giáo dục mầm non và hướng dẫn của Bộ Y tế về dinh dưỡng đối với bữa ăn học đường.

- 100% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, học sinh theo quy định.

c) Đảm bảo các điều kiện vệ sinh, an toàn trường học

- 90% cơ sở giáo dục có đủ nước uống và nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng theo quy định.

- 80% cơ sở giáo dục có đủ nhà vệ sinh cho người học, bảo đảm điều kiện hợp vệ sinh và đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật.

- 90% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt tiêu chuẩn trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích theo quy định.

d) Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe, phòng chống bệnh, tật học đường

- 100% người học được tuyên truyền, giáo dục sức khỏe và nâng cao kiến thức về phòng chống dịch, bệnh, tật học đường, bệnh không lây nhiễm và sức khỏe tâm thần.

- 100% người học được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần.

- 100% cơ sở giáo dục (không bao gồm cơ sở giáo dục mầm non) thành lập Tổ/bộ phận Tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học, bố trí nhân sự đầu mối (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm) và phòng/địa điểm thực hiện công tác tư vấn học đường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- 60% cơ sở giáo dục thực hiện việc đánh giá, tư vấn để phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ rối loạn tâm thần, bệnh không lây nhiễm cho người học.

đ) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe người học

- 100% người học được cập nhật và quản lý thông tin về sức khỏe vào Sổ sức khỏe điện tử toàn dân kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư.

- 90% cơ sở giáo dục triển khai hiệu quả phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe người học.

- 80% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng và phần mềm xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng khi tổ chức bữa ăn học đường.

- 90% cán bộ quản lý, nhân viên y tế trường học được tập huấn sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe người học.

2.2. Giai đoạn 2031- 2035

a) Tiếp tục duy trì, đẩy mạnh triển khai hiệu quả công tác y tế trường học, các hoạt động giáo dục, chăm sóc, bảo vệ và quản lý sức khỏe người học trong các cơ sở giáo dục nhằm bảo đảm chăm sóc toàn diện về thể chất, tinh thần cho người học.

b) Giữ vững các kết quả đạt được ở giai đoạn 2026-2030 và thúc đẩy các hoạt động nhằm nâng cao các chỉ tiêu chưa đạt 100% nêu tại mục IV. 2.1, cụ thể:

- Tối thiểu 80% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung học nghề có nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên.

- 100% cơ sở giáo dục có đủ nước uống và nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng theo quy định.

- Tối thiểu 95% cơ sở giáo dục có đủ nhà vệ sinh cho người học, bảo đảm điều kiện hợp vệ sinh và đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật.

- 100% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt tiêu chuẩn trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục mầm non và tối thiểu 90% cơ sở giáo dục phổ thông (có tổ chức bữa ăn học đường) xây dựng thực đơn đáp ứng đủ các nội dung theo Chương trình giáo dục mầm non và hướng dẫn của Bộ Y tế về dinh dưỡng đối với bữa ăn học đường.

- Tối thiểu 80% cơ sở giáo dục thực hiện việc đánh giá, tư vấn để phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ rối loạn tâm thần, bệnh không lây nhiễm cho người học.

- 100% cơ sở giáo dục triển khai hiệu quả phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe người học.

- Tối thiểu 90% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng và phần mềm xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng khi tổ chức bữa ăn học đường.

- 100% cán bộ quản lý, nhân viên y tế trường học được tập huấn sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe người học.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đối tượng

1.1. Đối tượng thụ hưởng

Trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên (gọi tắt là người học) đang được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trường chuyên biệt, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gọi tắt là cơ sở giáo dục).

1.2. Đối tượng thực hiện

a) Các bộ, cơ quan, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.

b) Cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên y tế trường học, nhân viên phụ trách bữa ăn học đường.

c) Cha mẹ hoặc người giám hộ của người học.

2. Phạm vi Chương trình

Chương trình được triển khai tại các cơ sở giáo dục trên phạm vi toàn quốc.

3. Thời gian thực hiện Chương trình

3.1. Giai đoạn 1: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

3.2. Giai đoạn 2: Từ năm 2031 đến hết năm 2035.

VI. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về sức khỏe học đường

- Sửa đổi, bổ sung các văn bản Luật liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, thể lực, tầm vóc cho người học.

- Xây dựng Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Phòng bệnh (nội dung phòng bệnh trong cơ sở giáo dục); chính sách ưu đãi nghề đối với nhân viên y tế trường học. Quy định về khám sức khỏe định kỳ cho người học. Sửa đổi quy định danh mục thuốc thiết yếu cho phòng y tế trường học và các quy định, hướng dẫn kinh phí chi cho công tác y tế trường học.

- Sửa đổi quy định về vị trí việc làm, định mức số người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông (vị trí việc làm nhân viên y tế trường học); tiêu chuẩn bàn ghế học sinh phổ thông. Ban hành quy định về giáo dục dinh dưỡng học đường và tổ chức bữa ăn bán trú trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông. Xây dựng các chương trình, đề án về đổi mới và phát triển giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trường học.

2. Kiện toàn và đẩy mạnh đào tạo nhân lực cho hệ thống y tế trường học

- Thực hiện tuyển dụng, bố trí, sắp xếp nhân viên làm công tác y tế trường học theo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức và định mức số người làm việc đối với các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường chuyên biệt, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung học nghề công lập. Ưu tiên tuyển dụng, sắp xếp nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ đạt chuẩn cho các trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở, trường chuyên biệt tại các xã biên giới đất liền. Trường hợp chưa bố trí được nhân viên y tế trường học chuyên trách thì thực hiện phân công viên chức kiêm nhiệm làm đầu mối theo dõi công tác y tế trường học và ký hợp đồng cung ứng dịch vụ với cơ sở y tế, cơ sở khám chữa bệnh để triển khai công tác y tế trường học.

- Các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, các cơ sở giáo dục ngoài công lập chủ động tuyển dụng nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ đạt chuẩn hoặc ký hợp đồng cung ứng dịch vụ với cơ sở y tế, cơ sở khám chữa bệnh để triển khai công tác y tế trường học theo quy định.

- Phân công và quy định rõ trách nhiệm cho cán bộ, viên chức thuộc trạm y tế cấp xã, trạm y tế quân dân y theo dõi, hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật thực hiện công tác y tế trường học đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn, nhất là các cơ sở giáo dục không có nhân viên y tế chuyên trách, các trường, điểm trường có vị

trí ở xa trạm y tế cấp xã, cơ sở khám chữa bệnh (những nơi y tế cơ sở không thể can thiệp, chăm sóc y tế kịp thời cho trẻ em, học sinh).

- Xây dựng, hoàn chỉnh tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, nhân viên làm công tác y tế trường học, công tác tư vấn học đường, công tác xã hội trường học trong các cơ sở giáo dục, y tế cơ sở, y tế quần dân y phù hợp với từng đối tượng (chuyên trách và kiêm nhiệm).

- Thí điểm và mở rộng đào tạo nhân lực chuyên ngành y tế trường học, dinh dưỡng học đường tại các cơ sở đào tạo khối ngành y tế, sức khỏe.

3. Bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các hoạt động sức khỏe học đường

- Rà soát, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo vệ sinh trường học: bàn ghế phù hợp với nhóm chiều cao của người học, người khuyết tật; ánh sáng phòng học, các công trình cung cấp nước sạch, nhà vệ sinh trong trường học bảo đảm đủ số lượng, yêu cầu vệ sinh, nhu cầu vệ sinh của nữ giới, người khuyết tật.

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm chất lượng và các quy định về an toàn thực phẩm; sân chơi, bãi tập để phục vụ các hoạt động giáo dục thể chất và thể thao trường học.

- Bố trí phòng y tế trường học, phòng tư vấn học đường riêng biệt, thân thiện theo quy định; bổ sung trang bị thiết bị y tế và thuốc thiết yếu để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người học trong trường học phù hợp thực tế và trình độ chuyên môn của nhân viên y tế trường học.

4. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe đối với học sinh, sinh viên

- Xây dựng, hoàn thiện tài liệu và tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe trong trường học phù hợp các nhóm đối tượng:

- + Đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông: Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục về vệ sinh phòng chống dịch bệnh; phòng chống bệnh, tật học đường (bệnh răng miệng, tật khúc xạ, gù vẹo cột sống...); phòng chống tai nạn thương tích; đảm bảo dinh dưỡng hợp lý kết hợp vận động thể lực, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tâm thần, phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu bia, phòng ngừa bệnh không lây nhiễm.

- + Đối với học sinh, sinh viên trung cấp, cao đẳng, đại học: Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục về sức khỏe sinh sản; sức khỏe tâm thần; phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu bia; kiến thức, kỹ năng đảm bảo dinh dưỡng hợp lý, hoạt động vận động thể lực để phòng bệnh.

- Rà soát và thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nội dung giáo dục sức khỏe tích hợp, lồng ghép trong chương trình giáo dục ở các cấp học, trình độ đào tạo,

trong đó tăng cường các nội dung giáo dục về dinh dưỡng, vận động thể lực, sức khỏe tâm thần, phòng chống dịch bệnh, tật học đường.

- Tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp và Nhân dân về tầm quan trọng và hoạt động sức khỏe học đường theo chuyên trang, chuyên mục trên Cổng thông tin điện tử, cơ quan báo chí của ngành Giáo dục, ngành Y tế, các cơ sở giáo dục và các phương tiện thông tin đại chúng. Tăng cường công tác tuyên truyền đến cha mẹ, gia đình người học để cùng phối hợp, đồng hành trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người học.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các mô hình trường học an toàn, nâng cao sức khỏe phù hợp với các cấp học, trình độ đào tạo.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe người học

- Tổ chức hiệu quả kiểm tra sức khỏe, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của người học vào đầu năm học và định kỳ theo quy định; thực hiện khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc một số bệnh, tật thường gặp (cận thị, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng, còi xương, thừa cân béo phì...) miễn phí cho người học ít nhất mỗi năm một lần.

- Thực hiện kết nối dữ liệu khám sức khỏe định kỳ của người học tích hợp vào Sổ sức khỏe điện tử, đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống, đồng bộ và được làm đầy dữ liệu sức khỏe của mỗi cá nhân theo vòng đời, liên thông với hệ thống dữ liệu Quốc gia về dân cư.

- Cập nhật thường xuyên, đầy đủ các chỉ số sức khỏe cơ bản của người học trên hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành Giáo dục.

- Xây dựng và ứng dụng các phần mềm phục vụ giáo dục và quản lý công tác y tế trường học, phần mềm thực đơn cân bằng dinh dưỡng phù hợp với các nhóm tuổi và tình trạng thể chất của người học.

- Xây dựng và số hóa các sản phẩm truyền thông, giáo dục sức khỏe người học, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ chăm sóc sức khỏe học sinh, sân chơi, bãi tập, công trình nước sạch, nhà vệ sinh.

6. Tăng cường phối hợp liên ngành và huy động các nguồn lực xã hội

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế phối hợp giữa ngành giáo dục và ngành y tế địa phương, cơ sở quân y, quân dân y trên địa bàn (đối với các xã khu vực biên giới đất liền, hải đảo, đặc khu) trong triển khai công tác y tế trường học và rà soát tiền sử tiêm chủng và tổ chức tiêm bù, tiêm vét cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học.

- Thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình với các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả.

- Tăng cường huy động sự tham gia phối hợp triển khai và hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng ở trong và ngoài nước trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình.

VII. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước của trung ương và địa phương (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên); nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và nguồn thu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

- Việc lập và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính cho các nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành về kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính trung hạn của Nhà nước; việc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định và thông qua các chương trình, dự án được duyệt theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì:

a) Tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện các hoạt động của Chương trình trên phạm vi cả nước; kiểm tra, tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Xây dựng, ban hành theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách liên quan đến sức khỏe học đường theo phân công tại Phụ lục kèm theo. Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành triển khai công tác y tế trường học từ Trung ương đến các địa phương, cơ sở giáo dục.

c) Rà soát, hướng dẫn tăng cường nội dung giáo dục sức khỏe trong chương trình giáo dục phù hợp với các cấp học, trình độ đào tạo. Hướng dẫn xây dựng mô hình trường học an toàn, nâng cao sức khỏe.

d) Hướng dẫn, tổ chức nhân rộng mô hình bữa ăn học đường đảm bảo dinh dưỡng hợp lý, an toàn thực phẩm kết hợp tăng cường hoạt động thể lực, phù hợp với lứa tuổi, đặc điểm vùng miền và hình thức tổ chức. Xây dựng các tài liệu truyền thông, giáo dục sức khỏe và phòng chống dịch, bệnh, tật, vệ sinh trường học, bệnh không lây nhiễm và sức khỏe tâm thần và chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện.

đ) Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế trường học, nhân viên tư vấn, nhân viên thực hiện bữa ăn học đường.

e) Hướng dẫn lồng ghép việc thực hiện các hoạt động của Chương trình với các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án khác có liên quan.

2. Bộ Y tế chủ trì:

a) Xây dựng, ban hành theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách liên quan đến sức khỏe học đường theo phân công tại Phụ lục kèm theo.

b) Hướng dẫn khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc sức khỏe miễn phí và xây dựng Sổ sức khỏe điện tử toàn dân đối với người học liên thông với hệ thống dữ liệu Quốc gia về dân cư.

c) Bổ sung, hoàn thiện các danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu, công cụ sàng lọc phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại trường học;

d) Chỉ đạo xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật về điều kiện an toàn thực phẩm dành cho bếp ăn trong cơ sở giáo dục và các đơn vị cung cấp suất ăn cho người học; xây dựng các tài liệu hướng dẫn bữa ăn học đường phù hợp với lứa tuổi, vùng, miền và hình thức tổ chức; hướng dẫn về phòng, chống các yếu tố nguy cơ và bệnh không lây nhiễm, sức khỏe tâm thần, sức khỏe sinh sản đối với người học.

đ) Nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ phụ trách y tế trường học tuyến y tế cơ sở về các vấn đề liên quan đến Sức khỏe học đường và xây dựng thực đơn cho bữa ăn học đường.

e) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình cho các địa phương, cơ sở giáo dục, cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai Chương trình.

3. Bộ Quốc phòng chủ trì:

a) Chỉ đạo các đơn vị quân y đứng chân trên địa bàn xã biên giới đất liền, khu vực hải đảo, đặc khu phối hợp với ngành y tế và ngành giáo dục hỗ trợ thực hiện công tác y tế trường học; tham gia khám, kiểm tra sức khỏe đầu năm học hoặc khám sàng lọc bệnh tật cho trẻ em, học sinh trong trường học; phòng chống dịch bệnh; tuyên truyền giáo dục sức khỏe và phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em, học sinh.

b) Huy động nguồn lực để hỗ trợ các trường học, điểm trường tại các xã biên giới đất liền, đặc khu trong việc triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu, giám sát vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ em, học sinh.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc triển khai, hướng dẫn bảo đảm vệ sinh, môi trường, cung cấp nước sạch trong trường học và các nhiệm vụ liên quan thuộc Chương trình.

5. Bộ Tài chính

a) Chủ trì tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước hằng năm.

b) Hướng dẫn sử dụng kinh phí thực hiện công tác y tế trường học, sức khỏe học đường.

c) Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện thu bảo hiểm y tế và trích kinh phí để lại cho công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu từ nguồn thu bảo hiểm y tế học sinh theo quy định.

6. Bộ Nội vụ

Chủ trì và phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành liên quan xây dựng và đề xuất các chính sách nhằm đảm bảo nguồn nhân lực cho công tác y tế trường học và các chế độ, chính sách đãi ngộ cho nhân viên y tế trường học.

7. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Phối hợp với ngành giáo dục, ngành y tế, các bộ, ngành liên quan và chính quyền địa phương tham gia triển khai thực hiện Chương trình trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; tham gia tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho các hội viên, cộng đồng về chăm sóc sức khỏe cho người học và tham gia huy động nguồn lực triển khai các nội dung, nhiệm vụ và giải pháp có liên quan của Chương trình.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

- Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình để chỉ đạo, triển khai thực hiện trên địa bàn, trong đó phân công trách nhiệm chủ trì, chỉ đạo triển khai cụ thể cho Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã; phân bổ kinh phí hàng năm để thực hiện mục tiêu của Chương trình, ưu tiên cho các vùng khó khăn, vùng sâu vùng xa.

- Kiện toàn và hoàn thiện hệ thống Ban chỉ đạo công tác y tế trường học các cấp. Huy động nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện của địa phương để triển khai thực hiện Chương trình; bố trí đủ nhân lực thực hiện công tác y tế trường học cho các cơ sở giáo dục theo quy định.

- Đầu tư, củng cố phòng y tế, trạm y tế và các trang thiết bị, thuốc thiết yếu theo quy định. Tăng cường cơ sở vật chất trường học đảm bảo đáp ứng điều kiện vệ sinh trường học.

- Theo dõi, đôn đốc, tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Chương trình tại địa phương; định kỳ hằng năm báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chương trình gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

9. Các tổ chức kinh tế, tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe học sinh, sinh viên

Phối hợp với ngành giáo dục, ngành y tế, các bộ, ngành liên quan và chính quyền địa phương trong quá trình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp có liên quan của Chương trình; xây dựng các chương trình, dự án hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động của Chương trình tại các ngành, địa phương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Y tế, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các hội: Khuyến học Việt Nam; Giáo dục chăm sóc sức khỏe cộng đồng Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục: KTTH, PL, TCCV, QHĐP, KSTT;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Thành Long

Phụ lục

PHẦN CÔNG NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VĂN BẢN, CHÍNH SÁCH
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
1	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản Luật liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, thể lực, tâm vóc cho trẻ em, HSSV	Bộ Y tế	Bộ GDĐT Bộ VHNT&DL	Các Luật liên quan được Quốc hội thông qua	Giai đoạn 2026-2030
2	Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 56/2011/NĐ-CP quy định chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập (trong đó có đối tượng nhân viên y tế trường học)	Bộ Y tế	Bộ Tài chính Bộ GDĐT Bộ Nội Vụ	Nghị định của Chính phủ	Năm 2026
3	Sửa đổi quy định danh mục thuốc thiết yếu cho phòng y tế trường học và các quy định, tiêu chuẩn về vệ sinh trường học, hướng dẫn kinh phí chi cho công tác y tế trường học	Bộ Y tế	Bộ GDĐT	Các Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế	Năm 2026, 2027
4	Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành và quy định chi tiết Luật Phòng bệnh (nội dung Phòng bệnh trong cơ sở giáo dục)	Bộ GDĐT	Bộ Y tế	Nghị định của Chính phủ	Năm 2026

STT	Tên nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành
5	Sửa đổi quy định về vị trí việc làm, định mức số người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông (vị trí việc làm nhân viên y tế trường học)	Bộ GDĐT	Bộ Nội vụ	Thông tư của Bộ trưởng Bộ GDĐT	Năm 2026, 2027
6	Quy định tiêu chuẩn bàn ghế học sinh phổ thông	Bộ GDĐT	Bộ KHHCN Bộ Y tế	Thông tư của Bộ trưởng Bộ GDĐT	Năm 2026, 2027
7	Quy định về tuyên truyền, giáo dục dinh dưỡng học đường và tổ chức bữa ăn bán trú trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông	Bộ GDĐT	Bộ Y tế	Thông tư của Bộ trưởng Bộ GDĐT	Năm 2027
8	Đề án đổi mới và phát triển giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trường học	Bộ GDĐT	Bộ VH TT & DL	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Năm 2026
9	Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 14/2007/TT-BTC hướng dẫn kinh phí thực hiện công tác y tế trong các trường học	Bộ Tài chính	Bộ GDĐT Bộ Y tế	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Năm 2027

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Dự thảo ngày 10.02.2026

**CHƯƠNG TRÌNH
SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026-2035**

Hà Nội, năm 2026

THÔNG TIN CHUNG

I. Tên Chương trình

Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035.

II. Quản lý Chương trình

1. Cơ quan quản lý Chương trình: Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Đơn vị thực hiện: Vụ Học sinh, sinh viên.
3. Cơ quan phối hợp:
 - Bộ Y tế;
 - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
 - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Bộ Quốc phòng;
 - Bộ Tài chính;
 - Bộ Nội vụ;
 - Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố;
 - Tổ chức kinh tế và các Hội hoạt động trong lĩnh vực y tế, sức khỏe;
 - Tổ chức phi chính phủ.

III. Phạm vi và quy mô Chương trình

1. Phạm vi của Chương trình:

- Chương trình tổng thể về lĩnh vực sức khỏe học đường bao gồm: bảo vệ, chăm sóc, quản lý và nâng cao sức khỏe của trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên (sau đây gọi chung là người học), tập trung vào các nội dung chính: bảo đảm nhân lực, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế trường học; vệ sinh trường học, nước sạch, vệ sinh môi trường; tăng cường dinh dưỡng hợp lý, an toàn thực phẩm, chất lượng bữa ăn trường học; tư vấn và truyền thông, giáo dục sức khỏe; chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe học đường.

- Lĩnh vực giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trường học sẽ được thực hiện theo Đề án riêng theo nhiệm vụ được giao tại Chiến lược phát triển TDTT đến năm 2035.

2. Quy mô của Chương trình: Chương trình có quy mô cấp quốc gia, được triển khai tại các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học (gọi chung là cơ sở giáo dục) trên phạm vi toàn quốc.

IV. Thời gian thực hiện Chương trình

Triển khai thực hiện Chương trình: từ năm 2026 đến 2035, chia làm 02 giai đoạn: Giai đoạn 2026 - 2030 và giai đoạn 2031 - 2035.

V. Nguồn vốn

Ngân sách Trung ương, địa phương và nguồn xã hội hóa theo quy định.

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG

1. Khái niệm về Sức khỏe học đường

"Sức khỏe là một trạng thái hoàn toàn thoải mái cả về thể chất, tâm thần và xã hội, chứ không phải là chỉ là không có bệnh tật hay tàn phế"¹.

Sức khỏe học đường là một lĩnh vực đa ngành (trong đó vai trò chủ yếu thuộc ngành Y tế và Giáo dục) có chức năng nghiên cứu các tác động của môi trường trường học tới sức khỏe và sự phát triển của người học trên cơ sở đó xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp giáo dục, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho người học, tạo điều kiện cho các em phát triển hài hoà, toàn diện về cả thể chất và tinh thần.

2. Nội dung chính của hoạt động sức khỏe học đường

Theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới, nhiều nước trên thế giới đã xây dựng chương trình chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người học. Việt Nam cũng đã tham khảo và quy định các nhiệm vụ của sức khỏe học đường thông qua các văn bản pháp luật, bao gồm các nội dung trọng tâm sau²:

- Bảo đảm các điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị triển khai hoạt động y tế trường học, chăm sóc sức khỏe người học.
- Bảo đảm các điều kiện về vệ sinh trường học, nước sạch và vệ sinh môi trường trong trường học.
- Tổ chức giáo dục dinh dưỡng học đường, đảm bảo dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm khi tổ chức bữa ăn học đường.
- Triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe như sơ cấp cứu ban đầu, quản lý bệnh tật, can thiệp phòng, chống bệnh, tật và kiểm soát yếu tố nguy cơ.
- Hoạt động truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe.
- Bảo đảm các điều kiện thực thi chính sách và xây dựng các mối quan hệ trong trường học, liên kết cộng đồng nhằm tổ chức các hoạt động nâng cao sức khỏe cho người học.
- Ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa hoạt động chăm sóc, quản lý sức khỏe người học.

3. Tầm quan trọng của công tác giáo dục, chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe học sinh, sinh viên

Chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho người học đóng vai trò rất quan trọng trong sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần của thế hệ trẻ. Người học là thế hệ tương lai của đất nước. Sức khỏe của người học hôm nay chính là sức khỏe của dân tộc ta mai sau. Quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số

¹ Theo định nghĩa về sức khỏe của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO- World Health Organization).

² Luật Phòng bệnh, Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT.

72-NQ/TW của Bộ Chính trị: “Sức khỏe là vốn quý nhất của con người, là nền tảng quan trọng nhất cho hạnh phúc của mọi người, cho sự tồn vong của dân tộc và sự phát triển thịnh vượng, bền vững của đất nước”. Do vậy, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động chăm sóc sức khỏe toàn diện về thể chất và tinh thần cho người học sẽ góp phần nâng cao sức khỏe của toàn dân, phát triển kinh tế xã hội của đất nước và quyết định tương lai dân tộc.

Hiện nay, cả nước có khoảng trên 41.059 cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông, 19.391 cơ sở giáo dục thường xuyên, 1.163 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, 361 cơ sở giáo dục đại học. Bên cạnh sự quan tâm nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, người học cần được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh tật thường gặp và các bệnh do chính môi trường học đường gây nên. người học thuộc lứa tuổi đang phát triển về thể chất, tâm vóc, trí tuệ, trong đó, thể lực, tâm vóc của các em khi trưởng thành đều quyết định ở giai đoạn phát triển dưới 20 tuổi. Bên cạnh đó, hầu hết các bệnh ở tuổi trưởng thành đều bắt nguồn từ tuổi đến trường như: các bệnh không lây nhiễm, các bệnh liên quan đến điều kiện học tập, bệnh lây truyền qua đường tình dục, sức khỏe tâm thần... Vì vậy, muốn cho thế hệ trẻ “nguồn nhân lực tương lai của đất nước” khỏe mạnh phải chăm sóc cho các em ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường.

Môi trường học đường là nơi tập trung đông người, là điều kiện thuận lợi để lan nhanh các bệnh truyền nhiễm trong nhà trường, từ nhà trường tới gia đình, cộng đồng và ngược lại, nhất là các bệnh truyền nhiễm gây dịch như COVID-19, cúm, sởi, quai bị, ho gà, bạch hầu, sốt xuất huyết, tay chân miệng, đau mắt đỏ và giun sán. Nếu người học được chăm sóc, truyền thông giáo dục sức khỏe tốt sẽ có tác động tích cực đến tình hình phòng, chống dịch, bệnh ở gia đình và cộng đồng.

Từ các lý do trên cho thấy tầm quan trọng của việc giáo dục, chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần của người học trong các cơ sở giáo dục. Đây là nội dung quan trọng quyết định việc thực hiện thành công mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

4. Sự cần thiết xây dựng Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035

Trong bối cảnh đất nước ta đang đứng trước vận hội lịch sử để phát triển bứt phá, yêu cầu xây dựng thế hệ con người Việt Nam mới có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn phát triển mới. Tuy nhiên, bệnh tật học đường và một số bệnh liên quan đến lứa tuổi người học vẫn diễn biến phức tạp và có xu hướng gia tăng như: cận thị, bệnh về răng miệng, thừa cân - béo phì, các bệnh không lây nhiễm, sức khỏe tâm thần.... Bên cạnh những bệnh truyền nhiễm thường gặp như lao, tiêu chảy, ký sinh trùng đường ruột, cúm, sốt xuất huyết, tay chân miệng, Sởi-Rubella, còn xuất hiện những dịch bệnh mới nguy hiểm như bạch hầu, COVID-19, đã và đang có nguy cơ gây bệnh cao và ảnh hưởng lớn đến sức khỏe và năng lực học tập của người học. Mặc dù các em có nguy cơ mắc

bệnh cao, nhưng các dịch bệnh, bệnh học đường nêu trên có thể được phòng chống hiệu quả thông qua việc phát hiện sớm bệnh tật và kiểm soát các yếu tố nguy cơ như: cải thiện điều kiện vệ sinh trường học, an toàn thực phẩm, dinh dưỡng hợp lý, tăng cường hoạt động thể lực, thực hành vệ sinh cá nhân tốt, không hút thuốc lá, không uống rượu bia và không sử dụng các chất gây nghiện.

Kinh nghiệm các nước trên thế giới cho thấy các chương trình Sức khỏe học đường phối hợp cung cấp các dịch vụ y tế, giáo dục sức khỏe, cung cấp một môi trường lành mạnh để giúp cơ sở giáo dục là nơi triển khai hiệu quả nhất các giải pháp nhằm cải thiện sức khỏe học sinh. Nhiều nước trên thế giới đã xây dựng chương trình chăm sóc sức khỏe toàn diện cho trẻ em và học sinh với 8 nội dung trọng tâm gồm: (1) giáo dục sức khỏe; (2) triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe như sơ cấp cứu ban đầu, quản lý bệnh tật, can thiệp phòng chống bệnh tật và yếu tố nguy cơ; (3) tăng cường giáo dục thể chất; (4) bảo đảm môi trường học đường; (5) Tổ chức bữa ăn ở trường với dinh dưỡng hợp lý và an toàn vệ sinh thực phẩm; (6) tổ chức tư vấn sức khỏe và tư vấn tâm lý; (7) nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ và nhân viên của trường và (8) tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường và cộng đồng địa phương nhằm tổ chức các hoạt động nâng cao sức khỏe cho trẻ em, học sinh.

Ở Việt Nam, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người học luôn được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm. Nhiều chủ trương, đường lối, chính sách được ban hành, trong đó có các Chương trình - Đề án của Thủ tướng Chính phủ về y tế trường trường học, chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh như: Đề án “Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018-2025” (ban hành kèm theo Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 9/1/2019); Chương trình “Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025” (ban hành kèm theo Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 02/10/2021); Chương trình Y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông gắn với y tế cơ sở giai đoạn 2021-2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 85/QĐ-TTg ngày 17/01/2022). Các Chương trình - Đề án nêu trên đã được tổng kết trong năm 2025 với những thành tựu quan trọng. Công tác YTTH, chăm sóc sức khỏe học sinh giai đoạn 2019-2025 đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tích cực trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe học sinh trong cơ sở giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện trong các nhà trường.

Tuy nhiên, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho người học vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập và khó khăn, thách thức. Kết quả tổng kết các Chương trình - Đề án của Thủ tướng Chính phủ về y tế trường trường học, chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh giai đoạn 2019-2025 cho thấy còn nhiều chỉ tiêu cơ bản chưa đạt so với mục tiêu đề ra. Nhân lực phụ trách công tác YTTH tại các cơ sở giáo dục và y tế cơ sở còn nhiều bất cập. Việc sắp xếp đội ngũ nhân viên YTTH chưa đạt yêu cầu; viên chức kiêm nhiệm công tác YTTH (chiếm tỷ lệ

49,3%) tại cơ sở giáo dục không có chuyên môn y tế gặp nhiều khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ. Cơ sở giáo dục không được bố trí kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động y tế trường học, chủ yếu từ nguồn trích lại của Bảo hiểm y tế. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc thiết yếu, công trình nước sạch, nhà vệ sinh ở nhiều địa phương vùng khó khăn chưa đồng bộ. Chính sách đãi ngộ, phụ cấp ưu đãi nghề cho nhân viên YTTH còn bất cập, chậm thay đổi. Nhận thức của một bộ phận cán bộ quản lý các cấp của ngành Giáo dục và ngành Y tế; một số cha mẹ học sinh chưa đầy đủ nên chưa quan tâm đúng mức đến chăm sóc sức khỏe học sinh.

Theo tinh thần của Nghị quyết số 72-NQ/TW về đột phá và tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân và Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, đất nước ta đang đứng trước vận hội lịch sử để phát triển bứt phá. Trong đó, vấn đề chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe, thể lực, tầm vóc của thế hệ trẻ Việt Nam là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt nhằm xây dựng con người có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn phát triển mới.

Xuất phát từ kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn tại nước ta cho thấy việc đẩy mạnh toàn diện, đột phá các hoạt động giáo dục, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người học là một yêu cầu khách quan và là nhiệm vụ cấp bách. Do đó, cần xây dựng Chương trình Sức khỏe học đường mới thay thế Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025 để có thể huy động mạnh mẽ nguồn lực và sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp với những mục tiêu cụ thể, thiết thực, sát với tình hình thực tế và các giải pháp đột phá, căn cơ cho công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh một cách toàn diện, đạt hiệu quả cao.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng năm 2026.
- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.
- Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25/10/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới.
- Nghị quyết số 42/NQ-TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ VIII Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.
- Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.
- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

2. Cơ sở pháp lý

2.1. Các Luật và Công ước liên quan đến trẻ em và học sinh

- Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân số 21-LCT/HĐNN8 ngày 30/6/1989.
- Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15 ngày 10/12/2025.
- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019, Luật Giáo dục sửa đổi bổ sung năm 2025 (Luật số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025).
- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023.
- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và Luật số 28/2018/QH14 ngày 15/6/2018.
- Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 51/2024/QH15 ngày 27/11/2024.
- Luật Trẻ em số 102/2016/QH1 ngày 5/4/2016.
- Luật Thanh niên số 57/2020/QH14.
- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18/02/2025; Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025.
- Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em ngày 20/11/1989.

2.2. Các Nghị định, Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 17/11/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia.
- Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.
- Nghị định số 188/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về công tác kết hợp quân dân y.
- Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.
- Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 Ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.
- Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-TW ngày 24/22/2023, Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 1591/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt Chương trình chăm sóc sức khỏe tâm thần cho trẻ em, chăm sóc trẻ em mồ côi giai đoạn 2023-2030.

- Quyết định số 02/QĐ-TTg ngày 05/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 1248/QĐ-TTg ngày 19/07/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em giai đoạn 2021-2030.

- Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 7/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030.

- Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/09/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam.

3. Căn cứ thực tiễn

3.1. Tình trạng thể chất, bệnh, tật học đường và yếu tố nguy cơ đến sức khỏe ở học sinh, sinh viên giai đoạn 2021-2025

Giai đoạn 2021-2025, ngành Giáo dục đã phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế và các bộ, ngành liên quan để thực hiện tốt hoạt động sức khỏe học đường nhằm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục toàn diện cho trẻ em, học sinh. Các hoạt động thuộc Chương trình Sức khỏe học đường đã được tổng kết trong năm 2025 cho thấy nhiều kết quả tích cực như: chăm sóc dinh dưỡng, thể chất, điều kiện vệ sinh trường học đã được cải thiện đáng kể, tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, các bệnh, tật học đường, tình trạng suy dinh dưỡng nhiều nơi vẫn còn cao và chưa khống chế được, tình hình dịch bệnh có diễn biến phức tạp, tầm vóc, thể lực học sinh còn hạn chế, có sự gia tăng một số bệnh mới nổi ở học sinh do điều kiện kinh tế, xã hội thay đổi như thừa cân, béo phì, rối loạn tâm thần, bạo lực học đường, từ đó dẫn đến tình hình trạng thể chất, mô hình bệnh tật ở học sinh có thay đổi so với trước đây, cụ thể như sau:

- Về thể lực, tầm vóc:

Chiều cao của thanh niên Việt Nam hiện nay đã có sự thay đổi mạnh so với giai đoạn trước, chiều cao trung bình thanh niên nam 18 tuổi đạt trên 168,1 cm và nữ đạt trên 156,2 cm (mức tăng chiều cao trên 3,7 cm với nam và trên 2,8 cm với nữ so với 10 năm trước).

Mặc dù chiều cao của thanh niên Việt Nam đã có sự cải thiện đáng kể trong những năm gần đây nhờ nỗ lực về dinh dưỡng, y tế, rèn luyện thể chất. Tuy vậy, chiều cao thanh niên Việt Nam vẫn đang xếp thứ 4 khu vực Đông Nam Á, sau Singapore, Malaysia và Thái Lan, và vẫn thấp hơn so với chuẩn thế giới 3 cm.

- Về bệnh, tật học đường (Cận thị, bệnh răng miệng, gù vẹo cột sống, bệnh không lây nhiễm)

Cận thị

Kết quả nghiên cứu trên 7.217 học sinh cho thấy, tỷ lệ giảm thị lực của học sinh chiếm 34,8% và tăng dần theo bậc học (tiểu học là 23,2%, trung học cơ sở là 36,7%, trung học phổ thông là 43,8%). Tỷ lệ học sinh mắc cận thị chiếm 32,8%, tăng dần theo bậc học (TH: 21,6 %, THCS: 34,5%, THPT: 41,9%), ở thành phố cao hơn nông thôn (42,4% và 22,9%). Kết quả nghiên cứu “Xây dựng và triển khai thí điểm mô hình sàng lọc phát hiện sớm cận thị tại trường học” cho thấy: tỷ lệ học sinh mắc tật khúc xạ (TKX) chiếm 39,3%. Tỷ lệ mắc TKX ở thành phố cao hơn ở nông thôn (53,0% và 26,3%), tăng theo cấp học (TH: 26,9%; THCS: 43,9%, THPT: 55,3%). Tỷ lệ học sinh mắc cận thị tiếp tục diễn biến phức tạp và có xu hướng tăng lên ở mức cao theo năm: 30,5% (năm 2019), 32,5% (năm 2021), 39,3% (năm 2023)³. Năm 2024, kết quả khảo sát⁴ về tình hình tật khúc xạ ở học sinh tiểu và trung học cơ sở thuộc Dự án Chăm sóc mắt học đường mở rộng của Quỹ Fred Hollows Việt Nam (FHFVN) tại 05 tỉnh, thành phố (Hải Dương, Đà Nẵng, Quảng Nam, Tiền Giang, Bến Tre) cho thấy: tỷ lệ học sinh tiểu học và trung học cơ sở mắc tật khúc xạ chung là 22.2%, trong đó: tại Bến Tre là 20%, Đà Nẵng là 13.7%, Quảng Nam là 28,5%, Tiền Giang là 22,8%, Hải Dương là 25,9%.

Tỷ lệ tật khúc xạ ở thanh niên và sinh viên Việt Nam đang ở mức cao, nhiều nghiên cứu cho thấy trên 30% sinh viên mắc tật khúc xạ, thậm chí ở một số trường đại học lớn có thể lên tới hơn 70%, với cận thị chiếm tỷ lệ áp đảo; tỷ lệ này ở thành phố cao hơn so với nông thôn. Đáng lo ngại là nhiều sinh viên đeo kính không đúng độ, ảnh hưởng đến học tập và sức khỏe mắt lâu dài. Theo thống kê ở một số cơ sở giáo dục trong nội thành Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, tỉ lệ học sinh mắc cận thị chiếm tới 50%. Và ở một số trường đại học lớn có tới hơn 70% sinh viên bị cận thị và rất nhiều người bị cận thị nặng⁵. Tại Đại học Y khoa Vinh (2024-2025), tỷ lệ tật khúc xạ chung là 36.2%, trong đó chủ yếu là cận thị (86.6%). Tại trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương (2022-2023), tỷ lệ tật khúc xạ chung lên tới 68.7%, trong đó tỷ lệ cận thị chiếm 82.3%⁶. Vấn đề tật khúc xạ ở sinh viên Việt Nam rất phổ biến, đặc biệt là cận thị, đòi hỏi sự quan tâm và can thiệp sớm để bảo vệ thị lực cho thế hệ trẻ⁷.

³ Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường (2023) Xây dựng và triển khai thí điểm mô hình sàng lọc phát hiện sớm cận thị tại trường học. Báo cáo tổng kết nhiệm vụ đặc thù.

⁴ Khảo sát năm 2024 thuộc Dự án Chăm sóc mắt học đường mở rộng của Quỹ FHFVN và Sở GDĐT, Sở Y tế 05 tỉnh, thành phố: Hải Dương, Đà Nẵng, Quảng Nam, Tiền Giang, Bến Tre.

⁵ Báo cáo tại Hội nghị Khoa học Kỹ thuật VISI năm 2025.

⁶ Nghiên cứu của Trường Đại học Y khoa Vinh năm học 2024-2025; của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương năm học 2022-2023.

⁷ Nghiên cứu của Bệnh viện Mắt Hà Nội năm 2024.

Cận thị ảnh hưởng đến khả năng học tập, hoạt động sinh hoạt, vui chơi và chất lượng sống của người học hiện tại và mai sau, gây tổn thất kinh tế không nhỏ cho mỗi gia đình và toàn xã hội.

Bệnh răng miệng

Tỷ lệ mắc bệnh răng miệng cao ở mọi lứa tuổi của học sinh và theo thời gian: Tỷ lệ học sinh mắc sâu răng năm 2019 là 28% ở nhóm trên 5 tuổi, 48% ở các nhóm tuổi còn lại, đến năm 2025, tỷ lệ này tăng lên từ 80% đến hơn 86%. Trẻ em 6-8 tuổi có đến 85% bị sâu răng sữa, và sâu răng vĩnh viễn cũng gia tăng đáng báo động. Một số nghiên cứu gần đây ghi nhận tỷ lệ sâu răng chung lên tới 87,1% ở học sinh, chủ yếu do kiến thức và thói quen chăm sóc răng miệng chưa đúng cách, ăn vặt nhiều, thiếu sự quan tâm từ phụ huynh, và môi trường sống cũng ảnh hưởng. Tỷ lệ học sinh mắc sâu răng vĩnh viễn tăng dần theo tuổi. Tình trạng răng miệng ở học sinh, sinh viên Việt Nam khá phổ biến, với các bệnh lý thường gặp như viêm lợi (viêm nướu), sâu răng, và vôi răng (cao răng), hôi miệng, do thói quen vệ sinh chưa đúng, ăn uống nhiều đồ ngọt, và chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của sức khỏe răng miệng; nghiên cứu cho thấy tỷ lệ viêm lợi ở sinh viên có thể lên tới hơn 90%. Các vấn đề này không chỉ ảnh hưởng đến răng miệng mà còn có thể dẫn đến các bệnh toàn thân, nhưng việc tiếp cận dịch vụ nha khoa chất lượng cao còn hạn chế. Các chuyên gia khuyến cáo nếu chăm sóc răng miệng không tốt có thể sẽ gây hậu quả lâu dài như ảnh hưởng đến thẩm mỹ, khả năng phát âm, nhai nghiền và dinh dưỡng của người học⁸.

Cong vẹo cột sống

Báo cáo của Bộ Y tế cho thấy⁹: tỷ lệ cong vẹo cột sống ở học sinh là 7,4%. Tỷ lệ CVCS thấp nhất ở lứa tuổi tiểu học (4,4%), tăng lên ở các bậc học THCS (8,3%) và THPT (9,4%); Học sinh nông thôn bị cong vẹo cột sống cao hơn so với học sinh ở thành phố (8,0 và 6,9%,); Học sinh nữ cao hơn học sinh nam (12,1 và 2,6%). Tình trạng cong vẹo cột sống ở sinh viên Việt Nam cũng khá phổ biến với tỷ lệ khá cao (khoảng 7,4%) và có xu hướng gia tăng, dao động tùy theo khu vực, có liên quan chặt chẽ với thói quen sinh hoạt, học tập sai tư thế (ngồi học lâu, dùng điện thoại,...), bàn ghế không phù hợp, ít vận động; các dấu hiệu nhận biết là vai và hông không đều, lưng cong bất thường, có thể gây đau lưng, ảnh hưởng chức năng tim phổi nếu nặng, và việc phòng ngừa quan trọng là điều chỉnh tư thế, tăng cường thể dục, và khám định kỳ. Cong vẹo cột sống nếu không được phát hiện và điều trị sớm có thể gây biến dạng về hình thể, ảnh hưởng tới sự phát triển của cơ quan chức năng của cơ thể người học.

Bệnh không lây nhiễm và các yếu tố nguy cơ

Theo báo cáo của Bộ Y tế¹⁰: Các bệnh không lây nhiễm (BKNL) là các bệnh mạn tính vì quá trình hình thành bệnh diễn ra trong nhiều năm, thường

⁸ Báo cáo của Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội năm 2024.

⁹ Cục QLMTYT, Viện SKNNMT (2025), Đánh giá thực trạng một số bệnh tật phổ biến y tế trường học và kiểm tra giám sát. Báo cáo tổng kết nhiệm vụ đặc thù.

bắt đầu từ tuổi trẻ, bệnh tiến triển kéo dài, đòi hỏi việc điều trị có hệ thống và lâu dài, thậm chí cả cuộc đời. BKLN tạo ra gánh nặng bệnh tật do tỷ lệ tàn tật và tử vong cao (chiếm 77% các nguyên nhân tử vong là do BKLN). Kết quả khảo sát về các hành vi nguy cơ của Bộ Y tế năm 2022 cho thấy: có hơn 1/2 học sinh (54,1%) ăn thức ăn nhanh ít nhất một lần một tuần; gần 2/3 (57,6%) học sinh ăn rau và trái cây ít hơn 2 lần/ngày; 34,0% học sinh uống đồ uống có ga 1 lần/ngày; chỉ khoảng 1/4 học sinh (24,1%) có hoạt động thể lực theo khuyến cáo. Các tỷ lệ này trong năm 2025 có xu hướng tăng cao hơn so với năm 2019. Tỷ lệ bệnh không lây nhiễm ở thanh niên và sinh viên Việt Nam mặc dù chưa có số liệu thống kê cụ thể riêng biệt, nhưng các bệnh này đang gia tăng nhanh chóng trong dân số chung (chiếm 77-80% số ca tử vong), đặc biệt là các bệnh tim mạch, ung thư, hô hấp mạn tính, đái tháo đường, và các vấn đề sức khỏe tâm thần, ảnh hưởng trực tiếp đến sinh viên do lối sống ít vận động, dinh dưỡng kém, và căng thẳng học tập, đòi hỏi các chương trình nâng cao nhận thức và can thiệp sớm trong cơ sở giáo dục.

Báo cáo tổng kết của Bộ GDĐT cho thấy¹⁰: có sự gia tăng tỷ lệ mắc các bệnh không lây nhiễm liên quan đến việc phơi nhiễm các yếu tố nguy cơ như: hút thuốc lá, sử dụng rượu bia, thiếu vận động thể lực, dinh dưỡng không hợp lý dẫn đến các vấn đề liên quan như thừa cân, béo phì, tăng huyết áp, tăng đường huyết, rối loạn lipid máu ở học sinh, sinh viên. Bạo lực và bắt nạt trong học sinh đang trở thành một vấn đề y tế công cộng nghiêm trọng do mức độ phổ biến và những hậu quả về thể chất và tinh thần lên trẻ em. Trầm cảm, rối loạn lo âu và nhiều vấn đề tâm thần khác cũng là hậu quả của bạo lực và bắt nạt. Vấn đề này cũng là những yếu tố nguy cơ gây ra các bệnh không lây nhiễm về tim mạch, huyết áp, tâm thần.

- Về sức khỏe tâm thần, sức khỏe sinh sản:

Theo Khảo sát Sức khỏe tâm thần của thanh thiếu niên Việt Nam (V-NAMHS) của Viện Xã hội học – Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam phối hợp với Đại học Queensland và Đại học Johns Hopdins (2022) cho thấy: Vấn đề sức khỏe tâm thần ở trẻ em, học sinh, sinh viên Việt Nam đang ở mức đáng báo động, với tỷ lệ cao mắc căng thẳng, lo âu và trầm cảm, xuất phát từ áp lực học tập, gia đình, xã hội, thay đổi môi trường sống, và thiếu kỹ năng đối phó. Các biểu hiện phổ biến bao gồm mất ngủ, bồn chồn, đau đầu, và có thể dẫn đến rối loạn lo âu nặng, trầm cảm, thậm chí loạn thần, đòi hỏi sự quan tâm từ gia đình, nhà trường và xã hội để nâng cao nhận thức và cung cấp hỗ trợ tâm lý hiệu quả. Tỷ lệ gặp vấn đề về sức khỏe tâm thần ở trẻ em, vị thành niên và thanh niên Việt Nam có tỷ lệ chung khoảng 21,7%, trong đó 3,3% chẩn đoán rối loạn tâm thần. Lo lắng là vấn đề sức khỏe tâm thần phổ biến nhất (chiếm 18,6%), tiếp theo là trầm cảm (4,3%). So sánh tỷ lệ người học có vấn đề về sức khỏe tâm thần theo

¹⁰ Báo cáo tổng kết các Chương trình, Đề án của Thủ tướng Chính phủ về y tế trường học và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh giai đoạn 2019-2025.

thời gian cho thấy: năm 2019, tỷ lệ tổn thương sức khỏe tâm thần ở lứa tuổi học sinh chiếm từ 8-21%, tỷ lệ trẻ em và vị thành niên gặp vấn đề về sức khỏe tâm thần là 15,6%. Nhưng đến giai đoạn 2022-2025, tỷ lệ này có xu hướng tăng lên đến 21,7%. Các tổn thương về tâm thần luôn là một trong những gánh nặng bệnh tật cho xã hội và ảnh hưởng rất lớn chất lượng học tập của học sinh¹¹.

Học sinh khi bước vào giai đoạn dậy thì là giai đoạn các em biểu hiện một loạt thay đổi về thể chất, tâm lý và các quan hệ xã hội. Tuổi dậy thì là tuổi có khả năng sinh sản, quan hệ tình dục trong độ tuổi học sinh, khi cơ thể chưa hoàn thiện về thể chất và chưa có sự chuẩn bị về tâm lý, kiến thức về sức khỏe sinh sản và tình dục còn hạn chế dẫn đến những hậu quả khôn lường như: nhiễm bệnh lây truyền qua đường tình dục, mang thai ngoài ý muốn, nạo phá thai không an toàn... và những hậu quả lâu dài khác như vô sinh và các ảnh hưởng về tinh thần.

Thanh niên, sinh viên có đặc điểm sức khỏe sinh sản khá đa dạng, bao gồm cả những tiến bộ về nhận thức do tiếp cận với nhiều kênh thông tin tốt hơn. Nhưng hiện nay ở sinh viên vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề đáng lo ngại như: quan hệ tình dục không an toàn dẫn đến mang thai ngoài ý muốn, nạo phá thai, bệnh lây truyền qua đường tình dục, và việc thiếu hụt kiến thức, kỹ năng, dẫn đến hành vi nguy cơ cao; đồng thời có những dấu hiệu bệnh lý phụ khoa (rối loạn kinh nguyệt, đau bụng kinh, viêm nhiễm...) và các vấn đề tâm lý liên quan như lo âu, trầm cảm, mặc cảm về các vấn đề sức khỏe sinh sản, ngại chia sẻ, ngại tìm kiếm sự giúp đỡ.

Vì vậy, việc tăng cường giáo dục về giới tính và sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, xây dựng lối sống lành mạnh trong cơ sở giáo dục sẽ giúp người học có những kiến thức, kỹ năng phòng tránh được những hậu quả không đáng có gây ảnh hưởng đến sức khỏe và tạo điều kiện cho các em vượt qua được giai đoạn khủng hoảng của tuổi dậy thì và giai đoạn trưởng thành.

- Về nguy cơ dịch, bệnh truyền nhiễm:

Trong giai đoạn 2019-2022, thế giới và Việt Nam đã phải đối mặt với dịch bệnh COVID-19. Tính đến ngày 19/12/2022, thế giới đã ghi nhận trên 657 triệu ca mắc và hơn 6,6 triệu ca tử vong. Tại Việt Nam, kể từ đầu dịch đến ngày 19/12/2022, cả nước đã ghi nhận trên 11,5 triệu ca mắc, hơn 10,6 triệu người khỏi bệnh (92,1%) và hơn 43.100 ca tử vong (0,37%). Dịch bệnh xảy ra làm gián đoạn việc thực hiện chương trình các môn học của toàn ngành giáo dục, làm đảo lộn quy trình, kế hoạch dạy/học và đặc biệt gây khó khăn cho đội ngũ nhà giáo trong việc dạy/học và ổn định cuộc sống. Người học phải nghỉ học dài ngày để phòng chống dịch dẫn đến thái độ và tinh thần học tập của các em bị giảm sút, làm giảm sức khỏe do thiếu vận động thể lực và tăng nguy cơ các bệnh học đường như thừa cân - béo phì, bệnh tim mạch do thiếu vận động. Hiện nay tình hình dịch bệnh truyền nhiễm ở người học diễn biến khá phức tạp, có xu hướng gia tăng với nhiều

¹¹ Institute of Sociology, University of Queensland, and Johns Hopkins Bloomberg School of Public Health. 2022. Viet Nam Adolescent Mental Health Survey: Report on Main Findings. Hanoi, Viet Nam: Institute of Sociology. .

bệnh mới nổi do thời tiết giao mùa, môi trường đông người, bao gồm các bệnh phổ biến như sốt xuất huyết, tay chân miệng, cúm, sởi, thủy đậu, bạch hầu. Những bệnh này đặc biệt nguy hiểm với người học, ảnh hưởng rất lớn sức khỏe và học tập, đặc biệt là trẻ em mầm non và học sinh tiểu học, đòi hỏi tăng cường sự chú trọng phòng ngừa, kiểm tra sức khỏe định kỳ và tiêm chủng cho các em¹².

3.2. Thực trạng các hoạt động sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025

- Thực trạng công tác y tế trường học, bảo đảm các điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất triển khai hoạt động chăm sóc sức khỏe người học tại cơ sở giáo dục

Trong giai đoạn 2019-2025¹³, mặc dù các điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị triển khai hoạt động chăm sóc sức khỏe người học đã có những cải thiện đáng kể. Tuy nhiên ở nhiều nơi, các điều kiện đảm bảo về nhân lực, cơ sở vật chất phục vụ công tác YTTH còn rất hạn chế, đặc biệt ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa.

+ *Về nhân lực*: Nhân lực phụ trách công tác YTTH tại các cơ sở giáo dục và y tế cơ sở còn nhiều bất cập: việc sắp xếp đội ngũ nhân viên YTTH chưa đạt yêu cầu; viên chức kiêm nhiệm công tác YTTH của cơ sở giáo dục không có chuyên môn y tế gặp nhiều khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ; cán bộ phụ trách công tác YTTH của Trạm Y tế không thường xuyên làm việc tại trường nên không đáp ứng kịp thời được nhu cầu chăm sóc sức khỏe học sinh. Tỷ lệ cơ sở giáo dục bố trí nhân viên y tế trường học chuyên trách chỉ chiếm 50,7%. Tỷ lệ cơ sở giáo dục có đủ giáo viên giáo dục thể chất và được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ chiếm 90% (chưa đạt so với yêu cầu: 100%).

+ *Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc thiết yếu*: ở nhiều địa phương vùng khó khăn chưa đồng bộ và chưa đáp ứng với thực tế bệnh tật và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của trẻ em, học sinh. Ở một số nơi, phòng y tế không đạt chuẩn, có diện tích nhỏ, bị xuống cấp, không thoáng mát, không sạch sẽ, bố trí chưa hợp lý hoặc thậm chí, có nơi bị sử dụng cho mục đích khác như kho chứa đồ, văn phòng tạm, thiếu trang thiết bị và danh mục thuốc thiết yếu. Tỷ lệ các cơ sở giáo dục và giáo dục nghề nghiệp có căng tin bảo đảm các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm chỉ chiếm 36,7%, có bếp ăn bán trú bảo đảm các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm chỉ đạt chưa đến 70%.

Kết quả tổng hợp báo cáo của các cơ sở đào tạo năm 2025 cho thấy: Việc đảm bảo nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị cho chăm sóc sức khỏe người học ở các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng đã được đầu tư hạ tầng y tế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế, tăng cường phối hợp với ngành y tế, đảm bảo dinh dưỡng học đường, và tăng cường kiểm tra, giám sát, hướng tới xây dựng

¹² Số liệu của Bộ Y tế công bố tính đến ngày 19/12/2022 (Báo cáo số 1733/BC-BYT ngày 23/12/2022) và báo cáo về công tác phòng chống dịch bệnh năm 2025 của Bộ Y tế.

¹³ Báo cáo tổng kết các Chương trình, Đề án của Thủ tướng Chính phủ về y tế trường học và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh giai đoạn 2019-2025.

môi trường giáo dục lành mạnh. Tuy nhiên, thực tế vẫn còn nhiều thách thức về kinh phí, trang thiết bị và nhân lực y tế, đòi hỏi các trường phải nỗ lực tự chủ và phối hợp chặt chẽ hơn nữa, tập trung nâng cấp phòng y tế, đảm bảo trang thiết bị cơ bản và có nhân viên y tế đủ năng lực.

+ *Về kinh phí*: Cơ sở giáo dục không được bố trí kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động y tế trường học, chủ yếu từ nguồn trích lại của Bảo hiểm y tế; triển khai phải lồng ghép các chương trình, dự án, hoạt động xã hội hóa. Ngân sách nhà nước bố trí trong chi sự nghiệp GDĐT cho công tác YTTH rất hạn chế cả ở cấp Trung ương và địa phương.

Đánh giá chung: Tỷ lệ cơ sở giáo dục bảo đảm các điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị triển khai hoạt động chăm sóc sức khỏe người học còn thấp. Cần tăng cường, bổ sung về nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác y tế trường học để nâng cao hiệu quả hoạt động công tác y tế trường học trong giai đoạn tiếp theo.

- *Thực trạng công tác bảo đảm các điều kiện về vệ sinh trường học, nước sạch và vệ sinh môi trường trong cơ sở giáo dục*

Các điều kiện về vệ sinh trường học, nước sạch và vệ sinh môi trường trong trường học ở nhiều địa phương còn chưa đồng bộ và chưa đáp ứng với nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người học. Tỷ lệ cơ sở giáo dục có đủ nhà vệ sinh đảm bảo điều kiện hợp vệ sinh mới chỉ đạt xấp xỉ 70%. Chỉ có 17,5% trường học bố trí nhà vệ sinh cho học sinh khuyết tật tiếp cận. Nhiều trường học thiếu kinh phí duy tu, bảo trì, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, dẫn đến việc nhiều thiết bị xuống cấp nhanh chóng¹⁴. Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông bố trí bàn ghế bảo đảm cỡ số theo nhóm chiều cao của học sinh, phù hợp cho học sinh khuyết tật chỉ đạt chưa đến dưới 50%. Tỷ lệ cơ sở giáo dục có đủ nhà vệ sinh cho học sinh đảm bảo điều kiện hợp vệ sinh theo quy định chỉ đạt xấp xỉ 70%. Đánh giá chung: Tỷ lệ cơ sở giáo dục bảo đảm các điều kiện về vệ sinh trường học, nước sạch và vệ sinh môi trường trường học chưa đạt so với yêu cầu (80%)¹⁵.

Đối với khối các trường đại học, cao đẳng và giáo dục nghề nghiệp, tỷ lệ chung về việc bảo đảm các điều kiện về vệ sinh trường học, nước sạch và vệ sinh môi trường trong cơ sở giáo dục chưa cao (khoảng 85%). Một trong những khó khăn, hạn chế nổi bật là: Công tác chỉ đạo ở một số địa phương chưa quyết liệt, việc sử dụng và bảo quản công trình vệ sinh chưa tốt dẫn đến xuống cấp, hư hỏng. Việc đầu tư cải tạo, xây mới nhà vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước, nước sạch cần kinh phí lớn, đôi khi không được ưu tiên đúng mức. Sự thiếu đồng bộ trong triển khai, thực hiện những quy định, hướng dẫn tại các cơ sở giáo dục.

¹⁴ Kết quả khảo sát toàn quốc và kết quả thực hiện Kế hoạch hành động về nước sạch, vệ sinh môi trường trong trường học tại 04 tỉnh, thành phố do UNICEF và WHO hỗ trợ giai đoạn 2023-2026.

¹⁵ Báo cáo tổng kết các Chương trình, Đề án của Thủ tướng Chính phủ về y tế trường học và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh giai đoạn 2019-2025.

- Thực trạng công tác giáo dục dinh dưỡng học đường, bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm khi tổ chức bữa ăn học đường

Theo nghiên cứu của Bộ Y tế, Việt Nam đang tiếp tục đối mặt với gánh nặng kép về tình trạng dinh dưỡng, bên cạnh tình trạng học sinh phổ thông bị suy dinh dưỡng vẫn ở mức cao (13,9%), ở nông thôn cao hơn so với thành phố (18,0% và 9,9 % tương ứng), thì tỷ lệ thừa cân - béo phì lại gia tăng nhanh (chiếm 20,6%), ở thành phố cao hơn nông thôn (25,5% và 15,6%). Có trên 19,0% trẻ em từ 5-19 tuổi bị thừa cân, béo phì. Dự báo nếu không có biện pháp can thiệp hiệu quả, đến năm 2030, Việt Nam có thể có gần 2 triệu trẻ em 5-19 tuổi bị thừa cân béo phì¹⁶.

Theo báo cáo của Bộ GDĐT năm 2025¹⁷: đã có 62/63 (98,4%) Sở GDĐT trước khi sáp nhập triển khai phần mềm “Xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng” dành cho các trường tiểu học có tổ chức bữa ăn bán trú. Tỷ lệ số trường có tổ chức bữa ăn bán trú (bảo đảm ATTP) ở trường mầm non là 96,8%, trường phổ thông dân tộc nội trú/bán trú là 93,1%. Nhiều cơ sở giáo dục đã xây dựng được bộ thực đơn mẫu áp dụng cho từng khối lớp. Các nhà trường đã phát huy tốt vai trò của nhân viên YTTH, đại diện cha mẹ học sinh tham gia giám sát từ khâu nhập thực phẩm đến quy trình nấu ăn, tổ chức ăn. Tuy nhiên, do hệ thống các văn bản quy phạm về dinh dưỡng học đường chưa hoàn thiện, đầy đủ nên việc tổ chức, quản lý, giám sát bữa ăn học đường, và công tác chăm sóc dinh dưỡng học đường vẫn còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ cơ sở giáo dục thực hiện mô hình bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh chỉ đạt 49,5%.

Kết quả tổng kết Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025 cho thấy¹⁵⁸: Hiện nay, mặc dù văn bản hướng dẫn về tiêu chuẩn dinh dưỡng và hướng dẫn tổ chức bữa ăn học đường đã được ban hành¹⁸, tuy nhiên chưa có văn bản quy định chặt chẽ về các loại thực phẩm, đồ uống được bán trong trường học, đồng thời việc tổ chức triển khai, quản lý, giám sát bữa ăn học đường tại các địa phương còn chưa kịp thời, dẫn đến công tác chăm sóc dinh dưỡng học đường vẫn còn nhiều hạn chế. Chưa có cán bộ chuyên trách dinh dưỡng trong nhà trường; nhân viên phụ trách công tác y tế trường học, công tác bán trú chưa được đào tạo đầy đủ. Tỷ lệ số trường có căng tin (bảo đảm ATTP) chỉ đạt là 36,7%, một trong những nguyên nhân của khó khăn là thủ tục thực hiện tổ chức căng tin trong cơ sở giáo dục là khá phức tạp và việc tổ chức này phụ thuộc vào nhà trường, Sở GDĐT, chính quyền địa phương. Tại một số cơ sở giáo dục ở vùng sâu, vùng khó khăn chưa tổ chức được bữa ăn bán trú; nguồn kinh phí đầu tư cho bếp ăn còn hạn chế. Tỷ lệ số cơ sở giáo dục thực hiện mô hình bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý kết

¹⁶ Cục Quản lý môi trường y tế, Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường (2023), Đánh giá thực trạng một số bệnh tật học đường phổ biến và kiểm tra giám sát.

¹⁷ Báo cáo tổng kết các Chương trình, Đề án của Thủ tướng Chính phủ về y tế trường học và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh giai đoạn 2019-2025.

¹⁸ Quyết định số 3958/QĐ-BYT ngày 25/12/2025 ban hành tiêu chuẩn dinh dưỡng đối với bữa ăn học đường; Quyết định số 2195/QĐ-BGDĐT ngày 10/8/2022; Quyết định số 4280/QĐ-BGDĐT ngày 14/12/2022.

hợp tăng cường hoạt động thể lực cho học sinh chỉ đạt 49,5%. Cơ sở giáo dục xây dựng thực đơn theo khuyến nghị của Bộ Y tế chỉ đạt 53%.

Tại các trường đại học và cao đẳng: Công tác đảm bảo dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm ở Việt Nam vẫn còn nhiều thách thức. Mặc dù đã có các quy định về bữa ăn học đường yêu cầu bữa ăn phải đủ nhóm chất, đa dạng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, với trách nhiệm thuộc về người đứng đầu nhà trường. Nhưng nhiều trường đại học có khu ăn tập thể, căng tin chưa thống nhất việc đảm bảo chất lượng dinh dưỡng và an toàn thực phẩm của bữa ăn và thực phẩm sử dụng tại căng tin của nhà trường. Vẫn có hiện tượng thực phẩm không đảm bảo chất lượng, không rõ nguồn gốc, gây lo ngại cho sinh viên.

Đánh giá chung: Việc tổ chức giáo dục dinh dưỡng học đường, đảm bảo dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm khi tổ chức bữa ăn học đường cho người học cần phải tăng cường các nội dung chưa đạt so với yêu cầu như sau: i) nâng cao kiến thức và năng lực của cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên, trẻ em, học sinh, sinh viên và cha mẹ học sinh về dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực để nâng cao sức khỏe, dự phòng các bệnh không lây nhiễm; ii) nâng cao tỷ lệ thực hành dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em, học sinh, sinh viên.

- Thực trạng các hoạt động chăm sóc sức khỏe như sơ cấp cứu ban đầu, quản lý bệnh tật, can thiệp phòng chống bệnh tật và yếu tố nguy cơ

Theo Báo cáo tổng kết Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025¹⁹: Tỷ lệ cơ sở giáo dục có phòng y tế có đủ trang thiết bị, dụng cụ sơ cấp cứu thông thường là 90,6%, phòng y tế có đủ thuốc thiết yếu là 90,5%. Cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích theo quy định của Bộ GDĐT là 80%, trong đó bảo đảm ít nhất có 75% số phòng học đạt yêu cầu chiếu sáng là 97,8%. Mặc dù các hoạt động chăm sóc sức khỏe như sơ cấp cứu ban đầu, quản lý bệnh tật, can thiệp phòng chống bệnh tật và yếu tố nguy cơ đã được triển khai với những kết quả tích cực. Tuy nhiên, so với chỉ tiêu đặt ra, kết quả triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe chưa đạt so với yêu cầu. Công tác kiểm tra sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ cho người học chưa được hướng dẫn thống nhất và đồng bộ về chuyên môn, dẫn đến nhiều khó khăn và bất cập trong quá trình triển khai. Trang thiết bị, dụng cụ sơ cấp cứu còn rất hạn chế, đặc biệt ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Thực trạng các hoạt động truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe:

Theo báo cáo của Bộ GDĐT¹⁷ và Bộ Y tế²⁰: Năng lực tự nghiên cứu để thực hiện giảng dạy tích hợp, lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe vào một số môn học của Chương trình giáo dục hiện hành của nhiều giáo viên còn hạn chế; đồng thời sức ép của khối lượng kiến thức học tập là khá nặng: áp lực của thi cử

¹⁹ Báo cáo tổng kết các Chương trình, Đề án của Thủ tướng Chính phủ về y tế trường học và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh giai đoạn 2019-2025.

²⁰ Cục QLMTYT, Viện SKNN&MT (2025) Đánh giá thực trạng một số bệnh tật phổ biến y tế trường học và kiểm tra giám sát. Báo cáo tổng kết nhiệm vụ đặc thù.

đối với người học là khá cao ở tất cả các cấp khiến cho hiệu quả của việc lồng ghép giáo dục về dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Điều đó đã dẫn tới tỷ lệ người học: được truyền thông, giáo dục sức khỏe và nâng cao kiến thức phòng, chống bệnh, tật học đường, bệnh không lây nhiễm, sức khỏe tâm thần chỉ đạt là 59,5%; được phổ biến, tư vấn về sức khỏe tâm thần, tâm sinh lý lứa tuổi là 49,6%; được truyền thông phòng chống tác hại của thuốc lá 49,4%; được truyền thông phòng chống tác hại của rượu/bia là 48,2%.

Đánh giá chung: Các hoạt động truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người học mặc dù đã đạt được những kết quả tích cực, nhưng vẫn chưa đáp ứng so với yêu cầu đặt ra.

- Thực trạng công tác bảo đảm các điều kiện thực thi chính sách và xây dựng các mối quan hệ trong cơ sở giáo dục, liên kết cộng đồng nhằm tổ chức các hoạt động nâng cao sức khỏe cho người học:

+ *Về thực hiện chính sách đãi ngộ, phụ cấp ưu đãi nghề cho nhân viên YTTH:* còn bất cập, chậm thay đổi; tiêu chuẩn, quy định về dinh dưỡng cho bữa ăn học đường chưa được hoàn thiện. Chương trình, đề án về dinh dưỡng chưa bền vững và đồng bộ. Thiếu cán bộ chuyên trách dinh dưỡng ở Trạm Y tế cấp xã để tư vấn cho các nhà trường.

+ *Về rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy:* Mặc dù đã có trên 90% tỉnh, thành phố đã thực hiện rà soát lại việc sắp xếp đội ngũ nhân viên YTTH ở CSGD theo sự định hướng chỉ đạo thực hiện mô hình công tác YTTH gắn với y tế cơ sở trên địa bàn theo Quyết định số 85/QĐ-TTg. Tuy vậy, việc sắp xếp ở một số địa phương chưa đạt yêu cầu. Ở một số tỉnh, thành phố, khi chuyển nhân viên YTTH chuyên trách về Trạm Y tế cấp xã nhưng chưa xác định rõ những nhiệm vụ cụ thể của trường, trạm nên còn tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, phối hợp thiếu gắn kết.

+ *Về xây dựng các mối quan hệ trong trường học, liên kết cộng đồng:*

Mặc dù Bộ GDĐT và Bộ Y tế đã ban hành Chương trình phối hợp về công tác YTTH, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, học sinh, sinh viên giai đoạn 2022 - 2026²¹. Bộ GDĐT và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Chương trình phối hợp giai đoạn 2022-2026 về tăng cường công tác giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trường học; tại các tỉnh, thành phố đều có sự phối hợp giữa các sở, ban ngành, đặc biệt là của ngành Giáo dục và ngành Y tế các cấp trong việc thực hiện 03 Chương trình, Đề án về công tác YTTH, chăm sóc sức khỏe học sinh; chỉ đạo kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác YTTH ở cấp cơ sở. Tuy nhiên, công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp liên ngành ở một số địa phương còn chưa đồng bộ, chưa kiên quyết. Công tác phối hợp giữa gia đình và nhà trường chưa thật sự hiệu quả.

+ *Về công tác khám sức khỏe định kỳ và quản lý hồ sơ sức khỏe người học:* Bộ Y tế ban hành sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp trên ứng dụng VneID²² áp

²¹ Chương trình số 218/CTr-BGDĐT-BYT ngày 04/3/2022 phối hợp giữa Bộ GDĐT và Bộ Y tế về công tác y tế trường học, chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh, sinh viên giai đoạn 2022-2026.

²² Quyết định 1332/QĐ-BYT ngày 21/05/2024.

dụng cho toàn dân, trong đó có người học. Bộ GDĐT phối hợp Bộ Y tế xây dựng hướng dẫn kiểm tra sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ và sàng lọc miễn phí về bệnh tật cho người học để lập sổ sức khỏe điện tử đối với người học từ năm 2026. Tuy nhiên hiện nay tỷ lệ số cán bộ quản lý, giáo viên được tập huấn để sử dụng phần mềm quản lý, theo dõi, thống kê đánh giá sức khỏe HS còn thấp, chỉ đạt 48,3%; nhân viên YTTH được tập huấn để sử dụng phần mềm quản lý, theo dõi, thống kê đánh giá sức khỏe HS chỉ đạt 86,1%²³.

Đánh giá chung: Việc bảo đảm các điều kiện thực thi chính sách và xây dựng các mối quan hệ trong trường học, liên kết cộng đồng nhằm tổ chức các hoạt động nâng cao sức khỏe cho người học đã được thực hiện rộng khắp. Tuy vậy, một số hoạt động chưa đạt được kết quả theo yêu cầu, cần được triển khai thường xuyên, đồng bộ, thống nhất.

- Thực trạng công tác ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa hoạt động chăm sóc, quản lý sức khỏe người học

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý giáo dục hiện đang được đẩy mạnh, tạo cơ sở triển khai ứng dụng công nghệ thông tin từ trung ương đến các nhà trường. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý được triển khai trên diện rộng ở tất cả các nhà trường theo hướng sử dụng các hệ thống phần mềm quản lý trực tuyến, tập trung dữ liệu nhằm tăng hiệu quả quản lý, tiết kiệm chi phí đầu tư và nhân lực. Tuy nhiên quá trình triển khai còn bộc lộ nhiều hạn chế²⁴: Hạ tầng và trang thiết bị công nghệ thông tin ở địa phương còn thiếu đồng bộ, nhiều nơi còn hạn chế cả về số lượng, chất lượng, đặc biệt những vùng khó khăn dẫn đến việc triển khai chưa đồng bộ; Sự kết nối liên thông dữ liệu chưa hiệu quả, chưa thực hiện đồng bộ dữ liệu; Nguồn kinh phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục còn hạn chế, thiếu tập trung; Nhân lực thực hiện các nhiệm vụ về công nghệ thông tin tại các cơ sở giáo dục còn hạn chế, trình độ, năng lực chuyên môn chưa cao. Ở một số nơi, việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa đồng bộ. Nhân viên y tế trường học mất nhiều thời gian về hồ sơ hành chính, chưa được hỗ trợ nhiều về chuyển đổi số; ngành Y tế xây dựng phần mềm chuyển đổi số nhưng còn hạn chế.

4. Đánh giá chung việc thực hiện các Chương trình, Đề án và lồng ghép các Chương trình, Đề án có liên quan

4.1. Việc triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án của Thủ tướng Chính phủ về công tác y tế trường học, chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh giai đoạn 2021-2025

Công tác YTTH, chăm sóc sức khỏe học sinh giai đoạn 2019-2025 đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tích cực trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe học sinh trong cơ sở giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện

²³ Báo cáo tổng kết các Chương trình, Đề án của Thủ tướng Chính phủ về y tế trường học và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh giai đoạn 2019-2025.

²⁴ Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024 của Bộ GDĐT.

trong các nhà trường. Hệ thống văn bản, chính sách về y tế trường học dần được hoàn thiện. Tỷ lệ học sinh được kiểm tra, khám sức khỏe định kỳ, tiêm chủng mở rộng được nâng lên. Công tác phòng, chống dịch bệnh được củng cố, duy trì bền vững và hiệu quả hơn. Hệ thống nhà vệ sinh, công tác vệ sinh môi trường được cải thiện rõ rệt. Không để xảy ra dịch bệnh, vụ ngộ độc thực phẩm lớn trong cơ sở giáo dục. Công tác số hóa về công tác YTTH, chăm sóc sức khỏe học sinh đang dần triển khai. Công tác giáo dục dinh dưỡng, giáo dục thể chất được cải thiện rõ rệt²⁵. Cơ chế phối hợp giữa ngành Giáo dục và ngành Y tế các cấp dần được hình thành rõ nét, đặc biệt là sự gắn kết giữa YTTH với y tế cơ sở bước đầu được hình. Tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức, thay đổi hành vi của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, phần lớn cha mẹ học sinh về chăm sóc sức khỏe, thể hiện qua việc tích cực xây dựng môi trường xanh- sạch- đẹp, an toàn, lành mạnh, tự chăm sóc sức khỏe của học sinh.

Những thành tựu nêu trên đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận và quan tâm sâu sắc thể hiện tại Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, trong đó chỉ rõ giải pháp đột phá về công tác YTTH, chăm sóc sức khỏe học sinh là nhiệm vụ triển khai có hiệu quả Chương trình chăm sóc sức khỏe học đường trong giai đoạn tới; đưa nội dung giáo dục sức khỏe, dinh dưỡng vào chương trình giáo dục ở các cấp học phù hợp.

4.2. Việc lồng ghép các Chương trình, Đề án có liên quan

Công tác huy động nguồn lực, bố trí kinh phí, xã hội hóa, lồng ghép Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025 với các chương trình, đề án phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương được triển khai mạnh mẽ với nhiều hình thức, phù hợp với thực tế của từng địa phương. Về bố trí kinh phí cho công tác y tế trường học: có 91,1% cơ sở giáo dục được bố trí nguồn kinh phí trích lại từ Bảo hiểm y tế. Bên cạnh đó, các nhà trường còn huy động xã hội hóa bằng nhiều hình thức như: huy động cha mẹ học sinh tự nguyện khám sức khỏe tổng thể, sàng lọc bệnh cho học sinh; phối hợp với trạm y tế, bệnh viện hỗ trợ tư vấn, kiểm tra sức khỏe miễn phí; phối hợp với các doanh nghiệp tài trợ dụng cụ thể chất, máy lọc nước, sửa nhà vệ sinh... Bộ GDĐT đã phối hợp với một số tổ chức quốc tế và doanh nghiệp²⁶ triển khai một số chương trình, dự án hỗ trợ xây dựng mô hình bảo đảm nước sạch, vệ sinh trường học, dinh dưỡng hợp lý, chăm sóc sức khỏe tâm thần và tập trung hỗ trợ các cơ sở giáo dục về tài liệu truyền thông, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế trường học cốt cán. Nhiều tỉnh, thành phố đã triển khai lồng ghép với các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; Chương trình phát triển giáo dục mầm non, phổ thông; Đề án phát triển thể lực, tầm vóc học sinh;

²⁵ Ở trường mầm non là 95,2%, tiểu học là 53,0%, trường PTDTNT/BT là 85,8%.

²⁶ UNICEF, Plan International, World Vision, Save the Children, PATH...

Chương trình mục tiêu y tế - dân số²⁷. Tỷ lệ số tỉnh đã tổ chức lồng ghép các nội dung về dinh dưỡng, phòng chống bệnh không lây nhiễm là 94,3%.

Tuy nhiên, khó khăn vướng mắc ở hầu hết các cơ sở giáo dục là không được cấp kinh phí chi thường xuyên cho công tác y tế trường học và kinh phí thường xuyên cho việc triển khai 03 chương trình, đề án của Thủ tướng Chính phủ; thiếu kinh phí duy tu, bảo trì, nhất là các trường vùng sâu vùng xa, nhiều thiết bị y tế xuống cấp.

5. Tác động tích cực của việc triển khai Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026 - 2035 với thực tiễn xã hội

Việc xây dựng và triển khai Chương trình tổng thể về Sức khỏe học đường sẽ huy động được các nguồn lực và sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp để triển khai các mục tiêu cụ thể nhằm bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người học một cách toàn diện và hiệu quả nhất.

Chương trình sẽ phát huy hiệu quả và có kết quả tác động như sau:

- Người học được giáo dục tốt kiến thức về sức khỏe sẽ biết cách chăm sóc sức khỏe bản thân, phòng tránh được nhiều bệnh tật phát sinh trong thời gian đi học và cả cuộc đời sau này. Đồng thời nhờ có sức khỏe tốt, các em sẽ ít bị bệnh tật, trí tuệ minh mẫn hơn sẽ lĩnh hội được nhiều kiến thức, đạt kết quả cao hơn trong học tập.

- Nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe cho gần 23 triệu người học (khoảng 25% dân số) được chăm sóc sức khỏe ban đầu ngay từ trong cơ sở giáo dục, phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ và bệnh tật để có biện pháp can thiệp kịp thời cũng như dự phòng tích cực làm giảm đáng kể tỷ lệ mắc dịch bệnh, tật khúc xạ, cong vẹo cột sống và các yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm, sức khỏe tâm thần, sức khỏe sinh sản ở người học. Điều này sẽ tiết kiệm được khoản kinh phí lớn dành cho công tác điều trị, giảm bớt gánh nặng của bệnh tật cho gia đình và toàn xã hội, cải thiện tâm vóc, chất lượng giống nòi.

- Nguồn kinh phí tiết kiệm được sẽ tăng cường cho đầu tư phát triển. Người học có sức khỏe tốt sẽ học tập tốt và thành đạt hơn trên con đường học vấn, đóng góp được nhiều hơn trong việc tạo ra của cải vật chất cho xã hội, góp phần cho kinh tế - xã hội ngày càng phát triển.

- Tạo cơ chế chính sách, đẩy mạnh công tác xã hội hóa nhằm thu hút sự tham gia đầu tư của các tổ chức, doanh nghiệp trong nước, nước ngoài vào công tác chăm sóc, giáo dục và nâng cao sức khỏe cho người học; giúp huy động các nguồn lực tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe cho người học.

²⁷ Tích hợp vệ sinh trường học gắn với chương trình nước sạch nông thôn; Tuyên truyền dinh dưỡng kết hợp với chương trình giảm suy dinh dưỡng trẻ em tại cộng đồng; Khám sức khỏe định kỳ lồng ghép với khám sàng lọc.

6. Một số kinh nghiệm các nước trên thế giới

Các nước trên thế giới, nhất là ở các nước phát triển, chăm sóc Sức khỏe học đường được đặc biệt quan tâm. Một số mô hình chăm sóc sức khỏe người học đã không ngừng được nghiên cứu xây dựng và áp dụng tại các cơ sở giáo dục như “Chương trình Sức khỏe học đường toàn diện” (Comprehensive school health programme) của Trung tâm kiểm soát bệnh tật (CDC) Hoa Kỳ áp dụng từ những năm 1980 và “Trường học nâng cao sức khỏe” (Health Promotion School) của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) được khuyến cáo các nước áp dụng từ những năm 1990.

Tổ chức Y tế thế giới đã phân biệt sự khác nhau giữa mô hình hiện đại và cổ điển theo cách tiếp cận mới. Đó là có sự phối hợp lồng ghép và liên ngành, trong đó ngành giáo dục chủ động triển khai, điều phối các bên liên quan. Nội dung chính của hoạt động Sức khỏe học đường là nâng cao sức khỏe, tăng cường các yếu tố bảo vệ và giảm các yếu tố nguy cơ. Điều khác cơ bản với quan niệm trước đây đó là ngành y tế chủ động triển khai và nội dung chính là phòng chống dịch bệnh và các dịch vụ y tế.

Mặc dù có những cách tiếp cận khác nhau, nhưng Chương trình Sức khỏe học đường toàn diện của CDC Hoa Kỳ và Mô hình Trường học nâng cao sức khỏe của WHO đều nhằm tới việc chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người học với các nội dung chính như sau:

1. Xây dựng các chính sách, quy định triển khai hoạt động Sức khỏe học đường;
2. Đảm bảo điều kiện vệ sinh trường học, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế;
3. Tổ chức các hoạt động quản lý, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người học, trong đó có dinh dưỡng hợp lý, chất lượng bữa ăn trường học và tăng cường hoạt động thể lực;
4. Xây dựng môi trường học đường (môi trường vật chất, môi trường xã hội) an toàn và lành mạnh;
5. Tổ chức các hoạt động tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người học;
6. Kết nối, vận động sự tham gia của gia đình và cộng đồng vào hoạt động chăm sóc sức khỏe người học trong trường học.

Đây là những kinh nghiệm quý báu để nghiên cứu xây dựng Chương trình tổng thể về Sức khỏe học đường giai đoạn 2025-2035 phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

III. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Sức khỏe là vốn quý nhất của con người, là nền tảng quan trọng nhất cho hạnh phúc của mọi người, cho sự tồn vong của dân tộc và sự phát triển thịnh vượng, bền vững của đất nước. Giáo dục, chăm sóc, nâng cao sức khỏe cho người học là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và mọi người dân, trong đó ngành Giáo dục và ngành Y tế đóng vai trò nòng cốt, các bộ, ngành liên quan phối hợp hỗ trợ về chuyên môn.

2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động chăm sóc sức khỏe toàn diện về thể chất và tinh thần người học sẽ góp phần nâng cao sức khỏe của toàn dân, phát triển kinh tế xã hội của đất nước và quyết định tương lai dân tộc. Trong đó đổi mới mạnh mẽ tư duy và hành động trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe người học, có chính sách, cơ chế đột phá trong huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe người học.

3. Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm xây dựng trường học an toàn, khỏe mạnh, bảo đảm người học được chăm sóc sức khỏe toàn diện cả thể chất và tinh thần, tạo điều kiện cho người học được học tập, vui chơi, rèn luyện thể lực với các điều kiện và phương tiện an toàn, vệ sinh. Gia đình và xã hội tích cực tham gia trong công tác giáo dục, hướng dẫn, quản lý, dự phòng và chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho người học.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác y tế trường học và tăng cường hoạt động tuyên truyền, giáo dục, bảo vệ, chăm sóc, quản lý sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nhằm bảo đảm điều kiện để người học phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần; góp phần thực hiện các mục tiêu, giải pháp về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2026-2030

a) *Nâng cao hiệu quả công tác y tế trường học*

- 100% cơ sở giáo dục bố trí nhân viên làm công tác y tế trường học (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm), trong đó:

+ Tối thiểu 60% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung học nghề có nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên.

+ 100% trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú tại các xã biên

giới đất liền có nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên.

+ 100% cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp có nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên.

- 100% nhân viên làm công tác y tế trường học được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về y tế trường học, kỹ năng cơ cứu ban đầu theo quy định.

- 95% cơ sở giáo dục có phòng y tế, đủ thiết bị y tế và thuốc thiết yếu theo quy định để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người học.

b) Tăng cường tuyên truyền, giáo dục dinh dưỡng học đường; đảm bảo an toàn thực phẩm, dinh dưỡng hợp lý phù hợp với lứa tuổi đối với bữa ăn học đường

- 100% cơ sở giáo dục tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm lành mạnh, an toàn, phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu bia cho người học trong chương trình giáo dục, đào tạo và các hoạt động ngoài chương trình.

- 100% cơ sở giáo dục có tổ chức bữa ăn và dịch vụ ăn, uống khác trong trường học bảo đảm các điều kiện về vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục mầm non và tối thiểu 80% cơ sở giáo dục phổ thông (có tổ chức bữa ăn học đường) xây dựng thực đơn đáp ứng đủ các nội dung theo Chương trình giáo dục mầm non và hướng dẫn của Bộ Y tế về dinh dưỡng đối với bữa ăn học đường.

- 100% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, học sinh theo quy định.

c) Đảm bảo các điều kiện vệ sinh, an toàn trường học

- 90% cơ sở giáo dục có đủ nước uống và nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng theo quy định.

- 80% cơ sở giáo dục có đủ nhà vệ sinh cho người học, bảo đảm điều kiện hợp vệ sinh và đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật.

- 90% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt tiêu chuẩn trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích theo quy định.

d) Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe, phòng chống bệnh, tật học đường

- 100% người học được tuyên truyền, giáo dục sức khỏe và nâng cao kiến thức về phòng chống dịch, bệnh, tật học đường, bệnh không lây nhiễm và sức khỏe tâm thần.

- 100% người học được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần.

- 100% cơ sở giáo dục (không bao gồm cơ sở giáo dục mầm non) thành lập Tổ/bộ phận Tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học, bố trí nhân sự đầu mối (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm) và phòng/địa điểm thực hiện công tác tư vấn học đường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- 60% cơ sở giáo dục thực hiện việc đánh giá, tư vấn để phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ rối loạn tâm thần, bệnh không lây nhiễm cho người học.

*đ) **Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe người học***

- 100% người học được cập nhật và quản lý thông tin về sức khỏe vào Sổ sức khỏe điện tử toàn dân kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư.

- 90% cơ sở giáo dục triển khai hiệu quả phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe người học.

- 80% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng và phần mềm xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng khi tổ chức bữa ăn học đường.

- 90% cán bộ quản lý, nhân viên y tế trường học được tập huấn sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe người học.

2.2. Giai đoạn 2031- 2035

a) Tiếp tục duy trì, đẩy mạnh triển khai hiệu quả công tác y tế trường học, các hoạt động giáo dục, chăm sóc, bảo vệ và quản lý sức khỏe người học trong các cơ sở giáo dục nhằm bảo đảm chăm sóc toàn diện về thể chất, tinh thần cho người học.

b) Giữ vững các kết quả đạt được ở giai đoạn 2026-2030 và thúc đẩy các hoạt động nhằm nâng cao các chỉ tiêu chưa đạt 100% nêu tại mục IV. 2.1, cụ thể:

- Tối thiểu 80% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung học nghề có nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên.

- 100% cơ sở giáo dục có đủ nước uống và nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng theo quy định.

- Tối thiểu 95% cơ sở giáo dục có đủ nhà vệ sinh cho người học, bảo đảm điều kiện hợp vệ sinh và đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật.

- 100% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt tiêu chuẩn trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục mầm non và tối thiểu 90% cơ sở giáo dục phổ thông (có tổ chức bữa ăn học đường) xây dựng thực đơn đáp ứng đủ các nội dung theo Chương trình giáo dục mầm non và hướng dẫn của Bộ Y tế về dinh dưỡng đối với bữa ăn học đường.

- Tối thiểu 80% cơ sở giáo dục thực hiện việc đánh giá, tư vấn để phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ rối loạn tâm thần, bệnh không lây nhiễm cho người học.
- 100% cơ sở giáo dục triển khai hiệu quả phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe người học.
- Tối thiểu 90% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng và phần mềm xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng khi tổ chức bữa ăn học đường.
- 100% cán bộ quản lý, nhân viên y tế trường học được tập huấn sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe người học.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đối tượng

1.1. Đối tượng thụ hưởng

Trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên (gọi tắt là người học) đang được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trường chuyên biệt, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp (gọi tắt là cơ sở giáo dục).

1.2. Đối tượng thực hiện

- a) Các bộ, cơ quan, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố.
- b) Cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên y tế trường học, nhân viên phụ trách bữa ăn học đường.
- c) Cha mẹ hoặc người giám hộ của người học.

2. Phạm vi Chương trình

Chương trình được triển khai tại các cơ sở giáo dục trên phạm vi toàn quốc.

3. Thời gian thực hiện Chương trình

3.1. Giai đoạn 1: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.

3.2. Giai đoạn 2: Từ năm 2031 đến hết năm 2035.

VI. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về sức khỏe học đường

- Sửa đổi, bổ sung các văn bản Luật liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, thể lực, tầm vóc cho người học.
- Xây dựng Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Phòng bệnh (nội dung phòng bệnh trong cơ sở giáo dục); chính sách ưu đãi nghề đối với nhân viên y tế trường học. Quy định về khám sức khỏe định kỳ cho người học. Sửa đổi quy định danh mục thuốc thiết yếu cho phòng y tế trường học và các quy định, hướng dẫn kinh phí chi cho công tác y tế trường học.

- Sửa đổi quy định về vị trí việc làm, định mức số người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông (vị trí việc làm nhân viên y tế trường học); tiêu chuẩn bàn ghế học sinh phổ thông. Ban hành quy định về giáo dục dinh dưỡng học đường và tổ chức bữa ăn bán trú trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông. Xây dựng các chương trình, đề án về đổi mới và phát triển giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trường học.

2. Kiện toàn và đẩy mạnh đào tạo nhân lực cho hệ thống y tế trường học

- Thực hiện tuyển dụng, bố trí, sắp xếp nhân viên làm công tác y tế trường học theo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức và định mức số người làm việc đối với các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trường chuyên biệt, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung học nghề công lập. Ưu tiên tuyển dụng, sắp xếp nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ đạt chuẩn cho các trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở, trường chuyên biệt tại các xã biên giới đất liền. Trường hợp chưa bố trí được nhân viên y tế trường học chuyên trách thì thực hiện phân công viên chức kiêm nhiệm làm đầu mối theo dõi công tác y tế trường học và ký hợp đồng cung ứng dịch vụ với cơ sở y tế, cơ sở khám chữa bệnh để triển khai công tác y tế trường học.

- Các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, các cơ sở giáo dục ngoài công lập chủ động tuyển dụng nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ đạt chuẩn hoặc ký hợp đồng cung ứng dịch vụ với cơ sở y tế, cơ sở khám chữa bệnh để triển khai công tác y tế trường học theo quy định.

- Phân công và quy định rõ trách nhiệm cho cán bộ, viên chức thuộc trạm y tế cấp xã, trạm y tế quân dân y theo dõi, hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật thực hiện công tác y tế trường học đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn, nhất là các cơ sở giáo dục không có nhân viên y tế chuyên trách, các trường, điểm trường có vị trí ở xa trạm y tế cấp xã, cơ sở khám chữa bệnh (những nơi y tế cơ sở không thể can thiệp, chăm sóc y tế kịp thời cho trẻ em, học sinh).

- Xây dựng, hoàn chỉnh tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, nhân viên làm công tác y tế trường học, công tác tư vấn học đường, công tác xã hội trường học trong các cơ sở giáo dục, y tế cơ sở, y tế quân dân y phù hợp với từng đối tượng (chuyên trách và kiêm nhiệm).

- Thí điểm và mở rộng đào tạo nhân lực chuyên ngành y tế trường học, dinh dưỡng học đường tại các cơ sở đào tạo khối ngành y tế, sức khỏe.

3. Bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các hoạt động sức khỏe học đường

- Rà soát, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo vệ sinh trường học: bàn ghế phù hợp với nhóm chiều cao của người học, người khuyết tật; ánh sáng phòng học, các công trình cung cấp nước sạch, nhà vệ sinh trong trường học bảo đảm đủ số lượng, yêu cầu vệ sinh, nhu cầu vệ sinh của nữ giới, người khuyết tật.

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm chất lượng và các quy định về an toàn thực phẩm; sân chơi, bãi tập để phục vụ các hoạt động giáo dục thể chất và thể thao trường học.

- Bố trí phòng y tế trường học, phòng tư vấn học đường riêng biệt, thân thiện theo quy định; bổ sung trang bị thiết bị y tế và thuốc thiết yếu để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người học trong trường học phù hợp thực tế và trình độ chuyên môn của nhân viên y tế trường học.

4. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe đối với học sinh, sinh viên

- Xây dựng, hoàn thiện tài liệu và tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe trong trường học phù hợp các nhóm đối tượng:

+ Đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông: Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục về vệ sinh phòng chống dịch bệnh; phòng chống bệnh, tật học đường (bệnh răng miệng, tật khúc xạ, gù vẹo cột sống...); phòng chống tai nạn thương tích; đảm bảo dinh dưỡng hợp lý kết hợp vận động thể lực, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tâm thần, phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu bia, phòng ngừa bệnh không lây nhiễm.

+ Đối với học sinh, sinh viên trung cấp, cao đẳng, đại học: Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục về sức khỏe sinh sản; sức khỏe tâm thần; phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu bia; kiến thức, kỹ năng đảm bảo dinh dưỡng hợp lý, hoạt động vận động thể lực để phòng bệnh.

- Rà soát và thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nội dung giáo dục sức khỏe tích hợp, lồng ghép trong chương trình giáo dục ở các cấp học, trình độ đào tạo, trong đó tăng cường các nội dung giáo dục về dinh dưỡng, vận động thể lực, sức khỏe tâm thần, phòng chống dịch bệnh, tật học đường.

- Tổ chức truyền thông nâng cao nhận thức của các ngành, các cấp và Nhân dân về tầm quan trọng và hoạt động sức khỏe học đường theo chuyên trang, chuyên mục trên Cổng thông tin điện tử, cơ quan báo chí của ngành Giáo dục, ngành Y tế, các cơ sở giáo dục và các phương tiện thông tin đại chúng. Tăng cường công tác tuyên truyền đến cha mẹ, gia đình người học để cùng phối hợp, đồng hành trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người học.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các mô hình trường học an toàn, nâng cao sức khỏe phù hợp với các cấp học, trình độ đào tạo.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe người học

- Tổ chức hiệu quả kiểm tra sức khỏe, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của người học vào đầu năm học và định kỳ theo quy định; thực hiện khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc một số bệnh, tật thường gặp (cận thị, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng, còi xương, thừa cân béo phì...) miễn phí cho người học ít nhất mỗi năm một lần.

- Thực hiện kết nối dữ liệu khám sức khỏe định kỳ của người học tích hợp vào Sổ sức khỏe điện tử, đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống, đồng bộ và được làm đầy đủ dữ liệu sức khỏe của mỗi cá nhân theo vòng đời, liên thông với hệ thống dữ liệu Quốc gia về dân cư.

- Cập nhật thường xuyên, đầy đủ các chỉ số sức khỏe cơ bản của người học trên hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành Giáo dục.

- Xây dựng và ứng dụng các phần mềm phục vụ giáo dục và quản lý công tác y tế trường học, phần mềm thực đơn cân bằng dinh dưỡng phù hợp với các nhóm tuổi và tình trạng thể chất của người học.

- Xây dựng và số hóa các sản phẩm truyền thông, giáo dục sức khỏe người học, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ chăm sóc sức khỏe học sinh, sân chơi, bãi tập, công trình nước sạch, nhà vệ sinh.

6. Tăng cường phối hợp liên ngành và huy động các nguồn lực xã hội

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả cơ chế phối hợp giữa ngành giáo dục và ngành y tế địa phương, cơ sở quân y, quân dân y trên địa bàn (đối với các xã khu vực biên giới đất liền, hải đảo, đặc khu) trong triển khai công tác y tế trường học và rà soát tiền sử tiêm chủng và tổ chức tiêm bù, tiêm vét cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học.

- Thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình với các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả.

- Tăng cường huy động sự tham gia phối hợp triển khai và hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng ở trong và ngoài nước trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình.

VII. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước của trung ương và địa phương (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên); nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và nguồn thu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

- Việc lập và triển khai thực hiện kế hoạch tài chính cho các nhiệm vụ của Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành về kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính trung hạn của Nhà nước; việc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định và thông qua các chương trình, dự án được duyệt theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì:

a) Tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện các hoạt động của Chương trình trên phạm vi cả nước; kiểm tra, tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Xây dựng, ban hành theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách liên quan đến sức khỏe học đường theo phân công tại Phụ lục kèm theo. Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành triển khai công tác y tế trường học từ Trung ương đến các địa phương, cơ sở giáo dục.

c) Rà soát, hướng dẫn tăng cường nội dung giáo dục sức khỏe trong chương trình giáo dục phù hợp với các cấp học, trình độ đào tạo. Hướng dẫn xây dựng mô hình trường học an toàn, nâng cao sức khỏe.

d) Hướng dẫn, tổ chức nhân rộng mô hình bữa ăn học đường đảm bảo dinh dưỡng hợp lý, an toàn thực phẩm kết hợp tăng cường hoạt động thể lực, phù hợp với lứa tuổi, đặc điểm vùng miền và hình thức tổ chức. Xây dựng các tài liệu truyền thông, giáo dục sức khỏe và phòng chống dịch, bệnh, tật, vệ sinh trường học, bệnh không lây nhiễm và sức khỏe tâm thần và chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện.

đ) Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế trường học, nhân viên tư vấn, nhân viên thực hiện bữa ăn học đường.

e) Hướng dẫn lồng ghép việc thực hiện các hoạt động của Chương trình với các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án khác có liên quan.

2. Bộ Y tế chủ trì:

a) Xây dựng, ban hành theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách liên quan đến sức khỏe học đường theo phân công tại Phụ lục kèm theo.

b) Hướng dẫn khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc sức khỏe miễn phí và xây dựng Sổ sức khỏe điện tử toàn dân đối với người học liên thông với hệ thống dữ liệu Quốc gia về dân cư.

c) Bổ sung, hoàn thiện các danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu, công cụ sàng lọc phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại trường học;

d) Chỉ đạo xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật về điều kiện an toàn thực phẩm dành cho bếp ăn trong cơ sở giáo dục và các đơn vị cung cấp suất ăn cho người học; xây dựng các tài liệu hướng dẫn bữa ăn học đường phù hợp với lứa tuổi, vùng, miền và hình thức tổ chức; hướng dẫn về phòng, chống các yếu tố nguy cơ và bệnh không lây nhiễm, sức khỏe tâm thần, sức khỏe sinh sản đối với người học.

đ) Nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ phụ trách y tế trường học tuyến y tế cơ sở về các vấn đề liên quan đến Sức khỏe học đường và xây dựng thực đơn cho bữa ăn học đường.

e) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình cho các địa phương, cơ sở giáo dục, cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai Chương trình.

3. Bộ Quốc phòng chủ trì:

a) Chỉ đạo các đơn vị quân y đứng chân trên địa bàn xã biên giới đất liền, khu vực hải đảo, đặc khu phối hợp với ngành y tế và ngành giáo dục hỗ trợ thực hiện công tác y tế trường học; tham gia khám, kiểm tra sức khỏe đầu năm học hoặc khám sàng lọc bệnh tật cho trẻ em, học sinh trong trường học; phòng chống dịch bệnh; tuyên truyền giáo dục sức khỏe và phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em, học sinh.

b) Huy động nguồn lực để hỗ trợ các trường học, điểm trường tại các xã biên giới đất liền, đặc khu trong việc triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu, giám sát vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ em, học sinh.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc triển khai, hướng dẫn bảo đảm vệ sinh, môi trường, cung cấp nước sạch trong trường học và các nhiệm vụ liên quan thuộc Chương trình.

5. Bộ Tài chính

a) Chủ trì tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước hằng năm.

b) Hướng dẫn sử dụng kinh phí thực hiện công tác y tế trường học, sức khỏe học đường.

c) Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện thu bảo hiểm y tế và trích kinh phí để lại cho công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu từ nguồn thu bảo hiểm y tế học sinh theo quy định.

6. Bộ Nội vụ

Chủ trì và phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành liên quan xây dựng và đề xuất các chính sách nhằm đảm bảo nguồn nhân lực cho công tác y tế trường học và các chế độ, chính sách đãi ngộ cho nhân viên y tế trường học.

7. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Phối hợp với ngành giáo dục, ngành y tế, các bộ, ngành liên quan và chính quyền địa phương tham gia triển khai thực hiện Chương trình trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; tham gia tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho các hội viên, cộng đồng về chăm sóc sức khỏe cho người học và tham gia huy động nguồn lực triển khai các nội dung, nhiệm vụ và giải pháp có liên quan của Chương trình.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

- Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình để chỉ đạo, triển khai thực hiện trên địa bàn, trong đó phân công trách nhiệm chủ trì, chỉ đạo triển khai cụ thể cho Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã; phân bổ kinh phí hàng

nằm để thực hiện mục tiêu của Chương trình, ưu tiên cho các vùng khó khăn, vùng sâu vùng xa.

- Kiện toàn và hoàn thiện hệ thống Ban chỉ đạo công tác y tế trường học các cấp. Huy động nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện của địa phương để triển khai thực hiện Chương trình; bố trí đủ nhân lực thực hiện công tác y tế trường học cho các cơ sở giáo dục theo quy định.

- Đầu tư, củng cố phòng y tế, trạm y tế và các trang thiết bị, thuốc thiết yếu theo quy định. Tăng cường cơ sở vật chất trường học đảm bảo đáp ứng điều kiện vệ sinh trường học.

- Theo dõi, đôn đốc, tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Chương trình tại địa phương; định kỳ hằng năm báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chương trình gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

9. Các tổ chức kinh tế, tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe học sinh, sinh viên

Phối hợp với ngành giáo dục, ngành y tế, các bộ, ngành liên quan và chính quyền địa phương trong quá trình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp có liên quan của Chương trình; xây dựng các chương trình, dự án hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động của Chương trình tại các ngành, địa phương.

Phụ lục 1

MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU
Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035

STT	Chỉ tiêu	Hiện nay	Đến năm 2030
1. Giai đoạn 2026-2030			
Mục tiêu 1: Nâng cao hiệu quả công tác y tế trường học			
1	Tỷ lệ trường học bố trí nhân viên làm công tác y tế trường học (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm)	100%	100%
a	<i>Trong đó:</i> Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung học nghề có nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên.	50,7 %	≥60%
b	Tỷ lệ trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền có nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên.	51,0%	100%
c	Tỷ lệ cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp có nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên.	75,9%	100%
2	Tỷ lệ nhân viên làm công tác y tế trường học được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về y tế trường học, kỹ năng cơ cứu ban đầu theo quy định.	<80%	100%
3	Tỷ lệ cơ sở giáo dục có phòng y tế, đủ thiết bị y tế và thuốc thiết yếu theo quy định để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người học.	80%	≥95%
Mục tiêu 2: Tăng cường tuyên truyền, giáo dục dinh dưỡng học đường; đảm bảo an toàn thực phẩm, dinh dưỡng hợp lý phù hợp với lứa tuổi đối với bữa ăn học đường			
1	Tỷ lệ cơ sở giáo dục tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục dinh dưỡng hợp lý, thực	90,1%	100%

	phẩm lành mạnh, an toàn, phòng chống tác hại của thuốc lá, rượu bia cho người học trong chương trình giáo dục, đào tạo và các hoạt động ngoài chương trình.		
2	Tỷ lệ cơ sở giáo dục có tổ chức bữa ăn và dịch vụ ăn, uống khác trong trường học bảo đảm các điều kiện về vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định.	<80%	100%
3	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non có tổ chức bữa ăn học đường xây dựng thực đơn đáp ứng đủ các nội dung theo Chương trình giáo dục mầm non và hướng dẫn của Bộ GDĐT, Bộ Y tế về dinh dưỡng đối với bữa ăn học đường.	53%	100%
4	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức bữa ăn học đường xây dựng thực đơn đáp ứng đủ các nội dung theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Bộ Y tế về dinh dưỡng đối với bữa ăn học đường.	53%	≥80%
4	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tổ chức theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, học sinh theo quy định.	98,3%	100%
Mục tiêu 3: Đảm bảo các điều kiện vệ sinh, an toàn trường học			
1	Tỷ lệ cơ sở giáo dục cung cấp có đủ nước uống và nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng theo quy định.	~75%	≥90%
2	Tỷ lệ cơ sở giáo dục có đủ nhà vệ sinh cho người học và bảo đảm điều kiện hợp vệ sinh.	~70%	≥80%
3	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt tiêu chuẩn trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích theo quy định.	>80%	≥90%
Mục tiêu 4: Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe người học, phòng chống bệnh, tật học đường			
1	Tỷ lệ người học được tuyên truyền, giáo dục sức khỏe và nâng cao kiến thức về phòng chống dịch, bệnh, tật học đường, bệnh không lây nhiễm và sức khỏe tâm thần.	59,5%	100%
2	Tỷ lệ người học được khám sức khỏe định kỳ	98,3%	100%

	hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần		
3	Tỷ lệ cơ sở giáo dục thực hiện việc đánh giá, tư vấn để phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ rối loạn tâm thần, bệnh không lây nhiễm cho người học.	49,6%	$\geq 60\%$

Mục tiêu 5: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe học sinh, sinh viên

1	Tỷ lệ người học được cập nhật và quản lý thông tin về sức khỏe vào Sổ sức khỏe điện tử toàn dân kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư	$< 50\%$	100%
2	Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai hiệu quả phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe người học.	48,3%	$\geq 90\%$
3	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng và phần mềm xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng khi tổ chức bữa ăn học đường.	$> 60\%$	$\geq 80\%$
4	Tỷ lệ cán bộ quản lý, nhân viên y tế trường học được tập huấn sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe người học.	48,3%	$\geq 90\%$

2. Giai đoạn 2031-2035

1	Tiếp tục duy trì, đẩy mạnh triển khai hiệu quả công tác y tế trường học, các hoạt động giáo dục, chăm sóc, bảo vệ và quản lý sức khỏe người học trong các cơ sở giáo dục nhằm bảo đảm chăm sóc toàn diện về thể chất, tinh thần cho người học.	100%	100%
2	Giữ vững các kết quả đạt được giai đoạn 2026-2030 và thúc đẩy các hoạt động nhằm nâng cao các chỉ tiêu chưa đạt 100% nêu tại mục 1, cụ thể:	$< 100\%$	100%
a	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên,	$< 80\%$	$\geq 80\%$

	trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung học nghề có nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên.		
b	Tỷ lệ cơ sở giáo dục có đủ nhà vệ sinh cho người học và bảo đảm điều kiện hợp vệ sinh.	<95%	≥95%
c	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức bữa ăn học đường xây dựng thực đơn đáp ứng đủ các nội dung theo Chương trình giáo dục mầm non và hướng dẫn của Bộ GDĐT, Bộ Y tế về dinh dưỡng đối với bữa ăn học đường.	<80%	≥80%
d	Tỷ lệ cơ sở giáo dục thực hiện việc đánh giá, tư vấn để phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ rối loạn tâm thần, bệnh không lây nhiễm cho người học.	<80%	≥80%
e	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng và phần mềm xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng khi tổ chức bữa ăn học đường.	<90%	≥90%

PHỤ LỤC 2

KHÁI TOÁN KINH PHÍ

Tổ chức triển khai Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2025-2030, định hướng 2035

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức	Thành tiền	Phân bổ nguồn vốn (tỷ lệ %)				Cơ quan thực hiện	
						Trung ương	Tỷ lệ %	Địa phương	Tỷ lệ %	XHH	Tỷ lệ %
I	RÀ SOÁT, BAN HÀNH CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH				8.800	2.000		6.800		0	
1	Rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung ban hành các chính sách về triển khai Chương trình sức khỏe học đường	Văn bản	10	200	2.000	2.000	100	0	0	0	10
2	Rà soát, nghiên cứu xây dựng ban hành chính sách đặc thù tại địa phương về Chương trình sức khỏe học đường.	Tỉnh /TP	34	200	6.800	0	0	6.800	100	0	10
II	RÀ SOÁT, XÂY DỰNG TÀI LIỆU VÀ TẬP HUẤN ĐỘI NGŨ				42.500	19.750		19.500		3.250	
1	Rà soát, chỉnh sửa ban hành các tài liệu hướng dẫn triển khai, thực hiện Chương trình sức khỏe học đường.	TL	10	500	5.000	5.000	100	0	0	0	0

2	Rà soát, chỉnh sửa, xây dựng các tài liệu tuyên truyền, tập huấn về Chương trình sức khỏe học đường.	TL	10	500	5.000	5.000	100	0	0	0	Bộ GDĐT
3	Tổ chức tập huấn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên y tế cốt cán trường học triển khai Chương trình: 05 lớp/năm*05 năm	Lớp	25	1.300	32.500	9.750	30	19.500	60	3.250	- Bộ GDĐT - Sở GDĐT
III	TRUYỀN THÔNG				690.000	42.000		441.000		207.000	
1	Tổ chức truyền thông Chương trình SKHĐ trên kênh truyền hình quốc gia và các nền tảng số: 6.000/năm*10 năm	Gói	1	60.000	60.000	42.000	70	0	0	18.000	- Bộ KH&CN - Bộ GDĐT - Bộ Y tế
2	Tổ chức truyền thông tại địa phương và ở tại cơ sở giáo dục: 1.000/năm*10 năm	Gói	63	10.000	630.000	0	0	441.000	70	189.000	- UBND Tỉnh, TP - các Sở GDĐT, CSGD
IV	ĐẦU TƯ NÂNG CẤP CƠ SỞ VẬT CHẤT, CHI MUA SẮM THIẾT BỊ Y TẾ THƯỜNG XUYÊN PHỤC VỤ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH SKHĐ				27.625.000	4.250.000		19.125.000		4.250.000	

1	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất phòng y tế, bếp ăn, nhà vệ sinh và các công trình phụ trợ khác liên quan tại các CSGD: 100/năm/CSGD*05 năm	CS GD	42.500	500	21.250.000	4.250.000	20	12.750.000	60	4.250.000	20	- Trung ương - Địa phương
2	Đầu tư mua sắm thuốc, thiết bị y tế, khám sức khỏe định kỳ: 30/năm/CSGD*05 năm	CS GD	42.500	150	6.375.000	0	0	6.375.000	100	0	0	- Trung ương - Địa phương
	TỔNG CỘNG:				28.366.300	4.313.750		19.592.300		4.460.250		